



CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU SAO VÀNG
CỔ PHẦN
SAO VÀNG RUBBER
JOINT STOCK COMPANY

Số/No.: 126/CV-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2026
Hanoi, June 24, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
- Các Cổ đông
To: - *State Securities Commission of Vietnam*
- *Hochiminh Stock Exchange*
- *Shareholders*

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Cao Su Sao Vàng

1. *Name of organization: Sao Vang Rubber Joint Stock Company*

- Mã chứng khoán: SRC

- *Stock code: SRC*

- Địa chỉ: Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- *Address: No. 231 Nguyen Trai Street, Khuong Dinh Ward, Hanoi, Vietnam*

- Điện thoại liên hệ: 0912622226

Fax: 024.35580383

- *Tel.: 0912622226*

Fax: 024.35580383

- E-mail: vietthang4784@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng công bố thông tin Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty năm 2026.

2. *Content of Information Disclosure:*

Sao Vang Rubber Joint Stock Company discloses information on the Charter on Organization and Operation of the Company for 2026.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 24/06/2026 tại đường dẫn: www.src.com.vn

3. *This information was disclosed on the Company's website on June 24, 2026 at the following link: www.src.com.vn*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law

Tài liệu đính kèm

Attachments


- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty năm 2026;
- Charter on Organization and Operation of the Company for 2026

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người UQ CBTT

*Person authorized to disclose information
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)*


Nguyễn Việt Thắng
Nguyen Viet Thang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2026



MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	4
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	7
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP.....	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	7
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	8
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	8
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	9
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	9
CHƯƠNG VI. CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG.....	9
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	9
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	10
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 17. Thay đổi các quyền	15
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 20. Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	19
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 23. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	23
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	23
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	24

Điều 27.	Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	25
Điều 28.	Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 29.	Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	27
Điều 30.	Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	28
Điều 31.	Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	30
Điều 32.	Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký công ty.....	30
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....		31
Điều 33.	Tổ chức bộ máy quản lý.....	31
Điều 34.	Người điều hành doanh nghiệp.....	31
Điều 35.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.....	32
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT.....		32
Điều 36.	Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	32
Điều 37.	Thành phần Ban Kiểm soát.....	33
Điều 38.	Trưởng Ban kiểm soát.....	33
Điều 39.	Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	34
Điều 40.	Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	34
Điều 41.	Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	35
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....		35
Điều 42.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	35
Điều 43.	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	36
CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....		36
Điều 44.	Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	36
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....		37
Điều 45.	Công nhân viên và công đoàn.....	37
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....		37
Điều 46.	Phân phối lợi nhuận.....	37
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....		38
Điều 47.	Tài khoản ngân hàng.....	38
Điều 48.	Năm tài chính.....	38
Điều 49.	Chế độ kế toán.....	38
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....		39
Điều 50.	Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	39
Điều 51.	Báo cáo thường niên.....	39
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....		39
Điều 52.	Kiểm toán.....	39
CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA CÔNG TY.....		39
Điều 53.	Dấu của Công ty.....	39
CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY.....		40

Điều 54. Giải thể công ty	40
Điều 55. Thanh lý.....	40
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	41
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ	41
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	41
Điều 57. Điều lệ công ty	41
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC	41
Điều 58. Ngày hiệu lực	41

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được sửa đổi và thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số: 81/NQ-DHDCĐ ngày 20 tháng 04 năm 2026 của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 124/NQ-HDQT ngày 24 tháng 06 năm 2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b. Vốn có quyền biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- c. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- d. "Luật chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- e. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- f. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;
- g. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.
- h. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- i. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- j. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
- k. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- l. Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- m. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- n. Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty cổ phần Cao su Sao Vàng;
- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: Saovang Rubber Joint Stock Company;
- Tên Công ty viết tắt: SRC.

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội;

4. Điện thoại, fax, website, logo:

- Điện thoại: 0243.8583.656/0243.5510.569;
- Fax: 0243.8583.644;
- E-mail: caosusaovang@src.com.vn
- Website: <http://www.src.com.vn>

- Logo:  **SRC**  **GOLDSTAR**

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép. Các chi nhánh của công ty tới thời điểm thông qua điều lệ này gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thái Bình.

Địa chỉ: Đường Trần Thủ Độ - Phường Tiên Phong - Thành phố Thái Bình - Tỉnh Thái Bình.

Điện thoại: 0227. 3.831.284 Fax: 0227. 3.831.377

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Đà Nẵng

Địa chỉ: Quốc lộ 1A – Xã Hoà Châu – Huyện Hoà Vang – TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0236. 3685.029 Fax: 0236. 3685.030

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 63 Nguyễn Bình Khiêm – Quận 1 – TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028. 38.241.202 Fax: 028. 38.242.393

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo khoản 2 Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có hai (02) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.
2. Người đại diện theo pháp luật của công ty là cá nhân đại diện cho công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
 - 2a. Chức năng nhiệm vụ:
 - Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo Pháp luật: Thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh đối với các giao dịch thương mại, bất động sản, góp vốn và các giao dịch khác của Công ty.
 - Tổng Giám đốc, người đại diện theo Pháp luật: Thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty liên quan đến sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cao su, liên doanh, liên kết, cho thuê mặt bằng và tài sản trên đất.
3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.
4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản 3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty.
5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt ở Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị sẽ cử người khác thay thế.

**CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH
VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

Danh mục ngành, nghề kinh doanh của Công ty được quy định chi tiết trong Phụ lục 01 đi kèm Điều lệ này. Quy định về ngành, nghề kinh doanh trong Phụ lục 01 được tự động điều chỉnh sau khi công ty đã hoàn tất thủ tục thay đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Phát huy mọi khả năng, kinh nghiệm, nguồn vốn, cơ sở vật chất do các cổ đông đóng góp để hoạt động sản xuất kinh doanh theo các ngành nghề đã được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Qua đó, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, khả

năng cạnh tranh cũng như thúc đẩy hơn nữa sự phát triển của Công ty, tạo việc làm ổn định cho người lao động, đảm bảo cổ tức cho các cổ đông và thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm ban hành điều lệ này là 364.841.240.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi tư tỷ tám trăm bốn mươi một triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tổng vốn điều lệ của Công ty được chia thành 36.484.124 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các loại cổ phần đặc biệt và cổ phần ưu đãi. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này. Mỗi cổ phần phổ thông có một quyền biểu quyết.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định tại Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong trường hợp cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, trong thời hạn một (01) tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn theo điều khoản phát hành quy định kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, bỏ phiếu qua hình thức điện tử hoặc hình thức khác được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Mỗi cổ phần phổ thông có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - d. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông đó trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Điều lệ này.

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan

trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết/ bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
 - e. Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử bằng phương tiện khác theo quy định của pháp luật.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục đề tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

- g. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h. Phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị;
 - k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
 - m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
 - p. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán;
 - q. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - r. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - s. Loại, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền.

t. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

u. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác mà công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế;

v. Quyết định giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp;

Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

w. Quyết định hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

x. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông là cá nhân chỉ có thể ủy quyền cho một (01) cá nhân hoặc tổ chức khác làm đại diện theo ủy quyền. Tổ chức là cổ đông Công ty có sở hữu ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa năm (05) người đại diện theo ủy quyền.

2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp, theo tỷ lệ cụ thể sau:

a. Đối với cổ đông là cá nhân chỉ được ủy quyền cho một (01) cá nhân hoặc một (01) tổ chức khác dự họp;

b. Trường hợp cổ đông là tổ chức sở hữu dưới mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho tối đa một (01) người dự họp Đại hội đồng cổ đông, từ mười phần trăm (10%) trở lên tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho tối đa năm (05) người dự họp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông công ty không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.

3. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, đại diện theo pháp luật, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực trừ khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông/đại diện cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số cổ đông/đại diện cổ đông như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng cổ đông/đại diện cổ đông yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua

người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

d. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

e. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

f. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

g. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

h. Cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử;

i. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc mà cổ đông đã đăng ký, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/ và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - c. Phiếu biểu quyết/bầu cử;
 - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (05%) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ và/hoặc phiếu biểu quyết và/hoặc phiếu bầu cử (nếu có), trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết/bầu cử của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử.
 - c. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dùng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại diện cổ đông và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp; tham gia Ban kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ cuộc họp;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/ND-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi, bổ sung ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên

được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

e. Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 5 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử. Ngoài ra, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức khác được quy định tại Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty hoặc Quy chế bầu cử của từng đợt bầu thành viên.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp, cụ thể là:

a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty;

b. Định hướng phát triển công ty;

c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong

báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g. Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là mười lăm (15) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát, hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- 6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
 - 7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 - 8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
 - i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - j. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Nghị quyết, Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Công ty, cổng thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
5. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

f. Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có)

g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

h. Các thông tin khác (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

d. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

e. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

f. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;

g. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Quyết định ban hành quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quyết định ban hành quy chế về công bố thông tin của công ty;

h. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

i. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

j. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

k. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

l. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;

- m. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - n. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - o. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật doanh nghiệp;
 - p. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền; Quyết định việc chào bán trái phiếu riêng lẻ, bao gồm loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 130 Luật Doanh nghiệp, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất;
 - q. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
 - r. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - s. Yêu cầu Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.
- Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
- t. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật hiện hành.

4. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại khoản 3 Điều 156 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ với tư cách là người đại diện theo pháp luật, cụ thể như sau:

a. Làm việc, ký, thực hiện các giao dịch với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về mua bán cổ phần, phát hành trái phiếu của công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

b. Làm việc, ký, thực hiện các giao dịch với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về các lĩnh vực: thuế, hải quan, tòa án, ngân hàng, bảo hiểm; các cơ quan Nhà nước quản lý về lao động, quản lý xây dựng... liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty.

c. Làm việc, ký thực hiện các giao dịch với các cơ quan, doanh nghiệp liên quan đến công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty như các Chủ đầu tư, các Ban quản lý dự án, các Doanh nghiệp Đối tác, các Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ.

d. Tuyển dụng, ký Hợp đồng lao động, quyết định mức lương của người lao động trừ những đối tượng thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

e. Làm việc, ký, thực hiện các giao dịch với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý Doanh nghiệp Đại chúng; với các cơ quan hữu quan khác liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị công ty.

f. Ký Hợp đồng lao động và các giao dịch khác với người Điều hành của công ty.

g. Ký các hợp đồng, giao dịch khác theo ủy quyền của Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định

thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát được đăng ký tại công ty.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

9. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp

lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 13 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

11. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

12. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

14. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 13 Điều này tham dự với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 42 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

15. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

16. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

17. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

18. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.
4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm đề hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại (khi được chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền), tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
5. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới

70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa (1/2) số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- c. Giám sát tình hình tài chính của công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.
- d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
- e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- f. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- g. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- h. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
- i. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) hoặc hợp đồng, giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và trừ các hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm c khoản này, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng, giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc hợp đồng, giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

c. Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

- a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của mình trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
 4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
 5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. Việc trả cổ tức cho cổ đông trên cơ sở phương án đề xuất của Hội đồng quản trị Công ty, theo nguyên tắc sau:
 - a. Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi theo quy định của pháp luật tối đa không quá 10% lợi nhuận sau thuế phát sinh trong năm của Công ty.

- b. Việc trích lập và sử dụng Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành và các Quỹ khác theo quy định của pháp luật phù hợp với hiệu quả sản xuất kinh doanh và nhu cầu đầu tư, phát triển Công ty.
2. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty trên cơ sở ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một tổ chức kiểm toán được chấp thuận hoặc thông qua danh sách các tổ chức kiểm toán được chấp thuận và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 53. Dấu của Công ty

1. Công ty có chính thức 02 con dấu. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. Nội dung con dấu thể hiện: Tên công ty, mã số công ty, địa chỉ trụ sở đăng ký của Công ty.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có). Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành
 - b. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn sáu (06) tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
 - e. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 58 điều được sửa đổi và thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số: 81/NQ-DHDCD ngày 20 tháng 04 năm 2026 của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 124/NQ-HDQT ngày 24 tháng 06 năm 2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng.
2. Điều lệ được lập thành bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty, có giá trị như nhau.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

HỌ VÀ TÊN, CHỮ KÝ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ Và Tên	Chức Vụ	Chữ ký
1	Phạm Hoàng Sơn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	
2	Nguyễn Việt Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Giám đốc	
3	Vi Xuân Hải	Thành viên Hội đồng quản trị	
4	Nguyễn Đình Sơn	Thành viên Hội đồng quản trị	
5	Lương Xuân Hoàng	Thành viên Hội đồng quản trị	

PHỤ LỤC 01

CHI TIẾT NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Mua bán hàng điện tử;	4652
2	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Mua bán hàng điện, điện lạnh, điện gia dụng, đồ dùng cá nhân và gia đình	4649
3	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Mua bán, sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, xe máy và phụ tùng thay thế;	4520
4	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: cho thuê cửa hàng, văn phòng, nhà xưởng, kho, bãi;	6810
5	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Mua bán kính mắt thời trang, thiết bị quang học;	4773
6	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán máy móc thiết bị phục vụ ngành cao su;	4659
7	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Chế tạo, lắp đặt máy móc thiết bị phục vụ ngành cao su;	3320
8	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, hóa chất phục vụ sản xuất ngành công nghiệp cao su;	8299
9	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm cao su;	2219 (Chính)
10	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa	4610
11	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
12	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	4662
13	Sản xuất điện Chi tiết: điện mặt trời	3511
14	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác	4661



SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness



CHARTER
ON ORGANIZATION AND OPERATION
SAO VANG RUBBER JOINT STOCK COMPANY

Hanoi, June 24, 2026

M.S.D.A.
★

TABLE OF CONTENTS

INTRODUCTION.....	4
CHAPTER I. DEFINITIONS OF TERMS IN THE CHARTER.....	4
Article 1. Interpretation of terms.....	4
CHAPTER II. NAME, FORM, HEAD OFFICE, BRANCHES, REPRESENTATIVE OFFICES, BUSINESS LOCATION, OPERATION TERM AND LEGAL REPRESENTATIVES OF THE COMPANY.....	5
Article 2. Name, form, head office, branches, representative offices, business locations, operation term of the Company.....	5
Article 3. The Company's legal representatives.....	6
CHAPTER III. OBJECTIVES, SCOPE OF BUSINESS AND OPERATION OF THE COMPANY.....	6
Article 4. Objectives of the Company.....	6
Article 5. Scope of business and operation of the Company.....	7
CHAPTER IV. CHARTER CAPITAL, SHARES, FOUNDING SHAREHOLDERS.....	7
Article 6. Charter capital, shares, founding shareholders.....	7
Article 7. Share certificates.....	8
Article 8. Other securities certificates.....	8
Article 9. Transfer of shares.....	8
Article 10. Reclamation of shares.....	8
CHAPTER V. ORGANIZATIONAL STRUCTURE, MANAGEMENT AND SUPERVISION.....	9
Article 11. Organizational structure, management and supervision.....	9
CHAPTER VI. SHAREHOLDERS AND GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS.....	9
Article 12. Rights of shareholders.....	9
Article 13. Obligations of shareholders.....	11
Article 14. General Meeting of Shareholders.....	12
Article 15. Rights and duties of the General Meeting of Shareholders.....	13
Article 16. Authorized representatives attending in the General Meeting of Shareholders.....	15
Article 17. Change of rights.....	16
Article 18. Convening the General Meeting of Shareholders, agenda and notice of the General Meeting of Shareholders.....	17
Article 19. Conditions for conducting the General Meeting of Shareholders.....	18
Article 20. Procedures for conducting and voting at the General Meeting of Shareholders.....	19
Article 21. Conditions for passing resolutions of the General Meeting of Shareholders.....	21
Article 22. Authority and procedures for collection of written opinions of shareholders to pass resolutions of the General Meeting of Shareholders.....	22
Article 23. Resolutions and minutes of the General Meeting of Shareholders.....	24
Article 24. Request for cancellation of resolutions of the General Meeting of Shareholders.....	24
CHAPTER VII. THE BOARD OF DIRECTORS.....	25
Article 25. Nomination and self-nomination of members of the Board of Directors.....	25
Article 26. Composition and term of the Board of Directors.....	26

Article 27.	Rights and duties of the Board of Directors.....	26
Article 28.	Remunerations, bonuses and other benefits of members of the Board of Directors.....	28
Article 29.	Chairman of the Board of Directors.....	29
Article 30.	Meetings of the Board of Directors.....	30
Article 31.	Subcommittees of the Board of Directors.....	32
Article 32.	Person in charge of corporate governance, Company's secretary.....	33
CHAPTER VIII. GENERAL DIRECTOR AND OTHER MANAGERS.....		33
Article 33.	Organization of the management apparatus.....	33
Article 34.	Managers of the Company.....	34
Article 35.	Appointment, dismissal, duties and power of the General Director.....	34
CHAPTER IX. THE BOARD OF SUPERVISORS.....		35
Article 36.	Nomination and self-nomination of members of the Board of Supervisors.....	35
Article 37.	Composition of the Board of Supervisors.....	35
Article 38.	Head of the Board of Supervisors.....	36
Article 39.	Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	36
Article 40.	Meetings of the Board of Supervisors.....	37
Article 41.	Salaries, remunerations, bonuses and other benefits of members of the Board of Supervisors.....	37
CHAPTER X. DUTIES OF MEMBERS OF BOARD OF DIRECTORS, MEMBERS OF BOARD OF SUPERVISORS, GENERAL DIRECTOR AND OTHER MANAGEMENT PERSONNEL.....		38
Article 42.	Responsibility for honesty and avoidance of conflict of interest.....	38
Article 43.	Responsibility for damage and compensation.....	39
CHAPTER XI. RIGHTS TO ACCESS THE COMPANY'S DOCUMENTS AND RECORDS.....		39
Article 44.	Rights to access the Company's documents and records.....	39
CHAPTER XII. EMPLOYEES AND TRADE UNION.....		40
Article 45.	Employees and Trade Union.....	40
CHAPTER XIII. PROFIT DISTRIBUTION.....		40
Article 46.	Profit distribution.....	40
CHAPTER XIV. BANK ACCOUNTS, FISCAL YEARS, AND ACCOUNTING REGIMES.....		41
Article 47.	Bank accounts.....	41
Article 48.	Fiscal year.....	41
Article 49.	Accounting regimes.....	41
CHAPTER XV. ANNUAL REPORTS, FINANCIAL STATEMENTS AND THE OBLIGATION TO DISCLOSE INFORMATION.....		42
Article 50.	Annual, half-year and quarterly financial statements.....	42
Article 51.	Annual reports.....	42
CHAPTER XVI. COMPANY AUDIT.....		42
Article 52.	Auditing.....	42
CHAPTER XVII. THE COMPANY'S SEALS.....		42
Article 53.	The Company's seals.....	42
CHAPTER XVIII. DISSOLUTION OF THE COMPANY.....		43

Article 54. Dissolution of the Company	43
Article 55. Liquidation.....	43
CHAPTER XIX. SETTLEMENT OF INTERNAL DISPUTES.....	44
Article 56. Settlement of internal disputes	44
CHAPTER XX. SUPPLEMENTS OR AMENDMENTS TO THE COMPANY'S CHARTER	44
Article 57. The Company's Charter.....	44
CHAPTER XXI. EFFECTIVE DATE.....	44
Article 58. Effective date.....	44

INTRODUCTION

This Charter was amended and approved under Resolution No. 81/NQ-DHDCD of the General Meeting of Shareholders of Sao Vang Rubber Joint Stock Company dated April 20, 2026 and Resolution No. 124/NQ-HDQT dated June 24, 2026 of the Board of Directors of Sao Vang Rubber Joint Stock Company

CHAPTER I. DEFINITIONS OF TERMS IN THE CHARTER

Article 1. Interpretation of terms

1. In the Charter, the following terms shall be construed as follows:
 - a. "Charter Capital" means the total face value of shares that have been sold or subscribed upon establishment of the Company as mentioned in Article 6 of the Charter;
 - b. Voting Capital means the amount of capital contribution entitling the owner to vote on the matters at the General Meeting of Shareholders.
 - c. "The Corporate Law" means the Corporate Law No. 59/2020/QH14 ratified by National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2020;
 - d. "The Securities Law" means the Securities Law No. 54/2019/QH14 ratified by National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 26, 2019;
 - e. "Establishment date" means the date on which the Company's first Enterprise Registration (Business Registration Certificate and equivalent documents) is granted;
 - f. "Executives" include the Chairman of the Board of Directors, members of the Board of Directors, the General Director, Deputy General Director, Chief Accountant;
 - g. "Managers" include the General Director, Deputy General Director, Chief Accountant.
 - h. "Related party" means the individual or organizations stipulated in Clause 23 Article 4 of the Corporate Law and Clause 46 Article 4 of the Securities Law;
 - i. "Major shareholder" means a shareholder defined in Clause 18 Article 4 of the Securities Law;
 - j. "Operation term" is the period specified in Article 2 of the Charter and extension of operation term (if any) must be approved by the General Meeting of Shareholders by way of a resolution;
 - k. Shareholder means an individual or organization that owns at least one share of the Joint Stock Company;
 - l. Founding shareholder means a shareholder owning at least one common share and signing in the Company's list of founding shareholders;
 - m. "Vietnam" means the Socialist Republic of Vietnam.
 - n. Stock Exchanges means Vietnam Stock Exchange and its subsidiary companies.
2. In this Charter, references to any provision or legal document shall include any amendments, supplements, or replacement provisions and documents thereto.
3. The headings (Chapters and Articles) in this Charter are included for convenience of reference only and shall not affect the interpretation or construction of this Charter.

**CHAPTER II. NAME, FORM, HEAD OFFICE, BRANCHES,
REPRESENTATIVE OFFICES, BUSINESS LOCATION, OPERATION
TERM AND LEGAL REPRESENTATIVES OF THE COMPANY**

**Article 2. Name, form, head office, branches, representative offices, business locations,
operation term of the Company**

1. Name of the Company

- Name of the company in Vietnamese: Công ty cổ phần Cao su Sao Vàng;
- Name of the company in English: Saovang Rubber Joint Stock Company;
- Short name: SRC.

2. The Company is a joint stock company with a legal status in accordance with applicable laws and regulations of Vietnam.

3. Head office:

- Address: No. 231 Nguyen Trai Street, Thuong Dinh Ward, Thanh Xuan District, Hanoi City;

4. Telephone, fax, website, logo:

- Telephone: 0243.8583.656/0243.5510.569;
- Fax: 0243.8583.644;
- E-mail: caosusaovang@src.com.vn
- Website: <http://www.src.com.vn>

- Logo:



SRC



GOLDSTAR

5. The Company may establish branches and representative offices to pursue its objectives in accordance with the resolutions of the Board of Directors and the law. The branches of the Company as of the date of approval of this Charter are as follows:

- Thai Binh Branch of Sao Vang Rubber Joint Stock Company.

Address: Tran Thu Do Road - Tien Phong Ward - Thai Binh City - Thai Binh Province.

Tel: 0227. 3.831.284 Fax: 0227. 3.831.377

- Da Nang Branch of Sao Vang Rubber Joint Stock Company

Address: National Highway 1A – Hoa Chau Commune – Hoa Vang District – Da Nang City

Tel: 0236. 3685.029 Fax: 0236. 3685.030

- Ho Chi Minh City Branch of Sao Vang Rubber Joint Stock Company.

Address: 63 Nguyen Binh Khiem Street – District 1 – Ho Chi Minh City

Tel: 028. 38.241.202 Fax: 028. 38.242.393

6. Unless its operation is terminated pursuant to Clause 2, Article 54 of this Charter, the operation term of the Company shall be indefinite from the date of its establishment.

Article 3. The Company's legal representatives

1. The Company has two (02) legal representatives, including Chairman of the Board of Directors and General Director.

2. The legal representative of the Company is an individual who represents the Company in exercising the rights and performing the obligations arising from the Company's transactions, and represents the Company as the petitioner in civil matters, plaintiff, defendant, or person with related rights and obligations before an Arbitration Tribunal or a Court. The responsibilities of the legal representative shall be implemented in accordance with Article 13 of the Corporate Law and other rights and obligations as prescribed by applicable laws.

2a. Functions and duties:

- Chairman of the Board of Directors, legal representative: To exercise the rights and perform the obligations arising from the Company's commercial transactions, real estate transactions, capital contribution activities, and other transactions.

- General Director, legal representative: To exercise the rights and perform the obligations arising from the Company's transactions relating to the manufacture and trading of rubber products, joint ventures, business cooperation arrangements, and the leasing of premises and assets attached to land.

3. The legal representative of the Company must reside in Vietnam and shall authorize in writing another person residing in Vietnam to exercise the rights and perform the obligations of the legal representative of the Company when leaving Vietnam.

4. In the event that the authorization period specified in Clause 3 of this Article expires and the legal representative of the Company has not returned to Vietnam and no further authorization has been granted, the authorized person shall continue to exercise the rights and perform the obligations of the legal representative of the Company within the scope of the authorization until the legal representative of the Company resumes duties, or until the Board of Directors decides to appoint another person as the legal representative of the Company.

5. In the event that the legal representative of the Company is absent from Vietnam for more than thirty (30) days without authorizing another person to exercise the rights and perform the obligations of the legal representative of the Company, or dies, is missing, is subject to criminal prosecution, is held in temporary detention, is serving a prison sentence, is subject to an administrative handling measure at a compulsory detoxification establishment or compulsory educational institution, has limited legal capacity or has lost civil act capacity, has difficulties in cognition or behavior control, or is prohibited by a Court from holding certain positions, practicing certain professions, or performing certain jobs, the Board of Directors shall appoint another person as a replacement.

CHAPTER III. OBJECTIVES, SCOPE OF BUSINESS AND OPERATION OF THE COMPANY

Article 4. Objectives of the Company

1. The Company's lines of business:

The Company's business lines are specified in detail in Appendix 01 attached to this Charter. The business lines set out in Appendix 01 shall be automatically updated upon the Company's completion of the procedures for amendment or supplementation of its registered business lines with the business registration authority and the publication thereof on the National Business Registration Portal.

2. The Company's objectives: To utilize to the fullest extent the capabilities, experience, capital resources and facilities contributed by the shareholders for conducting business activities in accordance with the business lines registered in the Enterprise Registration Certificate; thereby enhancing operational efficiency and competitiveness, further promoting the Company's development, creating stable employment for employees, ensuring dividends for shareholders, and fulfilling obligations in accordance with applicable laws.

Article 5. Scope of business and operation of the Company

The Company may conduct business activities in the business lines specified in this Charter that have been registered, for which changes to registration contents have been notified to the business registration authority, and which have been published on the National Business Registration Portal. In respect of conditional business lines, the Company must satisfy all business conditions as prescribed by the Law on Investment and relevant specialized laws.

CHAPTER IV. CHARTER CAPITAL, SHARES, FOUNDING SHAREHOLDERS

Article 6. Charter capital, shares, founding shareholders

1. The Company's Charter capital at the time of adoption of this Charter is VND 364,841,240,000 (In words: Three hundred sixty-four billion eight hundred forty-one million two hundred forty thousand Vietnamese Dong).

The Company's Charter capital is divided into 36,484,124 shares with a face value of 10,000 VND/share.

2. The Company can change Charter capital after receiving the approval from the General Meeting of Shareholders and the change in Charter capital must comply with regulations.

3. All shares of the Company as of the date of adoption of this Charter are common shares. Where necessary, the Board of Directors shall submit to the General Meeting of Shareholders for approval special classes of shares and preference shares. The rights and obligations of shareholders for each type of shares are stipulated in Article 12 and Article 13 of the Charter. Each common share shall carry one voting right.

4. The Company may issue other classes of preference shares upon approval by the General Meeting of Shareholders and in accordance with applicable laws.

5. Common shares shall be offered first to existing shareholders in proportion to their holdings of common shares in the Company, unless otherwise decided by the General Meeting of Shareholders. The distribution of unsubscribed shares shall be decided by the Board of Directors. The Board of Directors may distribute these shares to other shareholders and nonshareholders with no favorable conditions than the shares offered to existing shareholders, unless otherwise approved by the General Meeting of Shareholders or otherwise provided by the securities laws.

6. The Company may repurchase shares issued by the Company (including redeemable preference shares) in the manners provided for in this Charter and applicable laws. Common shares repurchased by the Company shall be held as treasury shares, and the Board of Directors may offer for sale such treasury shares in accordance with this Charter, the Law on Securities, and relevant implementing regulations.

7. The Company may issue other types of securities in accordance with law.

Article 7. Share certificates

1. Shareholders of the Company shall be granted with share certificates which specify the number of shares and the type of shares they hold.

2. Share is a type of securities that certify the lawful rights and interests of the shareholders to their proportion of the issuer's capital. A share certificate shall contain all information stipulated in Clause 1 Article 121 of the Corporate Law.

3. In the event that a shareholder has not deposited the share certificates with the Vietnam Securities Depository, within one (01) month from the date of submission of a complete application dossier for the transfer of share ownership in accordance with the Company's regulations, or within the period specified in the issuance terms from the date of full payment for the subscribed shares in accordance with the Company's share issuance plan, the owner of such shares shall be issued a share certificate. The shareholder shall not be required to bear the cost of printing the share certificate.

4. In case a share certificate is lost or damaged, the shareholder shall be granted with a new share certificate by the Company on the shareholder's request. The shareholder's request shall include:

- a. Information about the lost or damaged share certificate;
- b. Declaration to take responsibility for any dispute that arises from the reissuance of the share certificate.

Article 8. Other securities certificates

Bond certificates and other securities certificates issued by the Company shall bear the signatures of the legal representatives and seal of the Company.

Article 9. Transfer of shares

1. All shares may be transferred freely unless otherwise stipulated in this Charter and law. Shares listed on Stock Exchanges may be transferred in accordance with regulations on securities and the securities market.

2. Shares that are not fully paid for are not permitted to be transferred and shall not receive relevant rights such as right to receive dividends, right to receive additional shares issued to increase Charter capital from equity capital, right to buy new shares in share issuance and other benefits in accordance with law.

Article 10. Reclamation of shares

1. In case a shareholder fails to pay in full and on time for the amount payable for the subscribed shares, the Board of Directors shall send a notice to the shareholder to request for payment of such amount and bearing responsibility for the Company's financial obligations in correspondence with the total face value of the subscribed shares due to the failure to pay in full and on time for the subscribed shares.

2. The above-mentioned notice shall specify the new deadline for payment (at least seven (07) days from the date of sending the notice), place for payment and clearly state that in the event that the payment is not made as required, the shares which have not yet been fully paid for will be reclaimed.
3. The Board of Directors may reclaim the shares that are not paid in full and on time for if the requirements mentioned in the notice are not fulfilled.
4. Shares reclaimed are considered as authorized shares stipulated in Clause 3 Article 112 of the Corporate Law. The Board of Directors may directly or authorize a third party to sell or redistribute these shares under the conditions and methods that the Board of Directors consider appropriate.
5. The shareholder holding the reclaimed shares will no longer have shareholder status to these shares but still bear responsibility for the Company's financial obligations in correspondence with the total face value of the subscribed shares that arise at the time of reclamation in accordance with the decision of the Board of Directors from the date of reclamation to the date of payment. The Board of Directors has the full authority to enforce payment of the total value of these shares at the time of reclamation.
6. The reclamation notice shall be sent to the holder of reclaimed shares prior to the time of reclamation. The reclamation shall be still valid even in case of error or negligence in sending reclamation notice.

CHAPTER V. ORGANIZATIONAL STRUCTURE, MANAGEMENT AND SUPERVISION

Article 11. Organizational structure, management and supervision

Organizational structure, management and supervision of the Company include:

1. The General Meeting of Shareholders;
2. The Board of Directors;
3. The Board of Supervisors;
4. The General Director.

CHAPTER VI. SHAREHOLDERS AND GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

Article 12. Rights of shareholders

1. Shareholders are the owners of the Company and shall have the rights and obligations corresponding to the number and type of shares they hold. Shareholders shall be liable for the debts and other property obligations of the Company only to the extent of the capital contributed to the Company.
2. Common shareholders have the rights to:
 - a. To attend and speak at meetings of the General Meeting of Shareholders and exercise voting rights directly at such meetings or through an authorized representative, or by remote voting, electronic voting, or other methods as prescribed in the Internal Regulations on Corporate Governance. Each common share shall carry one (01) vote;

- b. Receive dividends at the rate decided by the General Meeting of Shareholders;
 - c. Freely transfer shares, except the cases specified in Clause 3 Article 120, Clause 1 Article 127 of the Corporate Law and relevant laws;
 - d. Be given priority in subscribing for new shares in proportion to the number of common shares each shareholder holds in the Company;
 - e. Access, look up and extract information about names and addresses of shareholders in the list of shareholders who have voting rights; request amendment of incorrect information;
 - f. Access, look up and extract or copy the Company's Charter, minutes and resolutions of the General Meeting of Shareholders;
 - g. Receive part of the remaining assets in proportion to the number of shares they own in the Company when the Company is dissolved or goes bankrupt;
 - h. Request the Company to repurchase shares in the cases stipulated in Article 132 of the Corporate Law;
 - i. Be treated equally. Each share of the same type give its holder equal rights, obligations and interests. If the Company has preference shares, rights and obligations associated with these preference shares must be approved by the General Meeting of Shareholders and informed to shareholders;
 - j. Access to periodic and irregular information disclosed by the Company in accordance with law;
 - k. Have their lawful rights and interests protected; request for the suspension, cancellation of resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors in accordance with the Corporate Law;
 - l. Other rights stipulated in law and the Company's Charter.
3. A shareholder or group of shareholders holding at least five percent (5%) of total common shares shall have the rights to:
- a. Request the Board of Directors to convene the General Meeting of Shareholders in accordance with Clause 3 Article 115 and Article 140 of the Corporate Law;
 - b. Access, look up, extract the minutes, resolutions and decisions of the Board of Directors, half year and annual financial statements, reports of the Board of Supervisors, contracts and transactions which must be approved by the Board of Directors and other documents, except documents including the Company's trade secrets and business secrets;
 - c. Request the Board of Supervisors to inspect each particular issue relevant to the management and operation of the Company whenever necessary. The request must be made in writing and contain: full names, mailing addresses, nationalities, identity card numbers of individual shareholders or names, business codes or numbers of legal documents and head office addresses of institutional shareholders; the number of shares and date of share registration of each shareholder, the total number of shares of the group of shareholders and the percentage of ownership; the issues that need to be inspected and purposes of the inspection;
 - d. Propose matters for inclusion in the agenda of the General Meeting of Shareholders in accordance with Clause 4, Article 18 of this Charter.

e. Other rights stipulated in law and this Charter.

4. A shareholder or group of shareholders holding at least ten percent (10%) of total common shares shall have the rights to nominate candidates for the Board of Directors and the Board of Supervisors. Candidates shall be nominated as follows:

a. The group of shareholders nominating candidates for the Board of Directors and the Board of Supervisors must inform the shareholders attending the General Meeting of Shareholders about the group of shareholders before the opening of the General Meeting of Shareholders;

b. Based on the number of members of the Board of Directors and the Board of Supervisors, the shareholder or the group of shareholders stipulated in this Clause may nominate one or more candidates for the Board of Directors and the Board of Supervisors according to the decision of the General Meeting of Shareholders. In case the number of candidates nominated by the shareholder or the group of shareholders is smaller than the number of candidates they have the rights to nominate according to the decision of the General Meeting of Shareholders, the remaining candidates shall be nominated by Board of Directors, the Board of Supervisors and other shareholders.

Article 13. Obligations of shareholders

Common shareholders have the obligations to:

1. Pay in full and on time for the subscribed shares.
2. Not withdraw the capital contributed as common shares from the Company in any form, unless these shares are repurchased by the Company or other persons. Otherwise, the shareholder and persons with related interests in the Company shall be jointly responsible for the debts and other liabilities of the Company within the value of shares withdrawn and the damage due to the withdrawal.
3. Comply with the Company's Charter and the Internal Regulations on Corporate Governance;
4. Comply with resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors.
5. Keep information provided by the Company in confidence in accordance with the Company's Charter and law; only use the provided information for exercising and protecting their lawful rights and interests; do not copy, send the information provided by the Company to the third parties.
6. Attend the General Meeting of Shareholders and exercise the voting right as follows:
 - a. Attend and vote/elect in person at the meeting;
 - b. Authorize other organizations and individuals to attend and vote/elect by proxy at the meeting;
 - c. Attend and vote/elect in online meeting; cast electronic votes or in other electronic forms;
 - d. Send votes/election ballots to the meetings by mail, fax or email.
 - e. Send votes/election ballots by other means as prescribed by law.
7. Take personal responsibility when committing any of the following acts in the name of the Company:
 - a. Violating law;

- b. Conducting business and other transactions for personal benefit or the benefit of other organizations and individuals;
 - c. Paying undue debts when the Company is likely to be in financial danger.
8. Fulfilling other obligations stipulated in applicable law.

Article 14. General Meeting of Shareholders

1. The General Meeting of Shareholders consists of all shareholders who have voting rights and is the highest decision-making body of the Company. The General Meeting of Shareholders shall be held annually and within four (04) months from the end of the fiscal year. The time of holding the annual General Meeting of Shareholders may be extended by Board of Directors but not exceeding 06 months from the end of the fiscal year. Extraordinary General Meeting of Shareholders may be held besides annual General Meeting of Shareholders. The place of holding General Meeting of Shareholders is where the chair of the meeting attends and must be in the territory of Vietnam.

2. The Board of Directors shall convene the annual General Meeting of Shareholders and choose an appropriate venue. The annual General Meeting of Shareholders shall make decisions on the issues stipulated in law and the Company's Charter, especially the audited annual financial statement. In case the audited annual financial statement of the company contains a qualified opinion, adverse opinion or disclaimer of opinion, the Company shall invite the representative of the accredited audit organization auditing the Company's financial statement to attend the annual General Meeting of Shareholders. The invited representative of the audit organization has the responsibility for attending the annual General Meeting of Shareholders.

3. The Board of Directors shall convene an extraordinary General Meeting of Shareholders in the following cases:

- a. The Board of Directors considers that it is necessary to do so in the Company's interests;
- b. The number of members of the Board of Directors or the Board of Supervisors is less than the minimum number required by law or where the number of members of the Board of Directors is reduced by more than one-third (1/3) of the number of members prescribed in this Charter;
- c. A shareholder or group of shareholders stipulated in Clause 3 Article 12 of this Charter request the convening of the General Meeting of Shareholders. The request shall be in writing, clearly state the reasons thereof and the purposes of the meeting, and be signed by all related shareholders or all related shareholders can sign the copies of the written request;
- d. It is requested by the Board of Supervisors;
- e. Other cases stipulated in law and this Charter.

4. Convening the extraordinary General Meeting of Shareholders

a. The Board of Directors shall convene a meeting of the General Meeting of Shareholders within thirty (30) days from the date on which the number of remaining members of the Board of Directors or the Board of Supervisors falls below the minimum number prescribed by law, or from the date of receipt of a request as specified in Points c and d, Clause 3 of this Article. The Board of Directors shall convene a meeting of the General Meeting of Shareholders within sixty (60) days from the date on which the number of members of the Board of Directors is reduced by more than one-third (1/3) of the number of members prescribed in this Charter;

b. Where the Board of Directors fails to convene the General Meeting of Shareholders as stipulated in Point a Clause 4 of this Article, the Board of Supervisors shall convene the General Meeting of Shareholders instead of the Board of Directors within the next 30 days as stipulated in Clause 3 Article 140 of the Corporate Law;

c. Where the Board of Supervisors fails to convene the General Meeting of Shareholders as stipulated in Point b Clause 4 of this Article, a shareholder or a group of shareholders making the request specified in Point c, Clause 3 of this Article is entitled to request the Company's representatives to convene the General Meeting of Shareholders in accordance with Clause 4, Article 140 of the Corporate Law.

In this case, the requesting shareholder or group of shareholders may request the business registration authority to supervise the procedure of convening, conducting and decision-making of the General Meeting of Shareholders. The expenses for convening and conducting the General Meeting of Shareholders shall be reimbursed by the Company. Such expenses shall not include expenses born by the shareholders for attending the General Meeting of Shareholders, including accommodation and travel costs.

d. The procedure of conducting the General Meeting of Shareholders shall be in accordance with Clause 5 Article 140 of the Corporate Law.

Article 15. Rights and duties of the General Meeting of Shareholders

1. The General Meeting of Shareholders has following rights and duties:

- a. Approving the Company's development orientations;
- b. Making decisions on the types of shares and the number of shares of each type authorized to be offered; annual dividend rate for each type of shares;
- c. Election, dismissal and removal members of the Board of Directors and members of the Board of Supervisors;
- d. Making decisions on investment or sale of assets of the Company with the value equal to or more than thirty-five percent (35%) of the value of the total assets recorded in the Company's latest financial statements;
- e. Making decisions on the amendments and supplements of the Company's Charter;
- f. Approving audited annual financial statements;
- g. Making decisions on the repurchase of over ten percent (10%) of issued shares of each type;
- h. Inspecting and dealing with breaches committed by members of the Board of Directors and the Board of Supervisors who cause loss and damage to the Company and its shareholders;
- i. Making decisions on re-organization and dissolution of the Company;
- j. Making decisions on the budget or total remunerations, bonuses and other benefits of the Board of Directors and the Board of Supervisors;
- k. Approving the Internal Regulations on Corporate Governance, the Board Charter and the Board of Supervisors Charter;
- l. Approving the list of accredited audit organizations; allowing accredited audit organizations to audit the Company's operation; dismissing accredited auditors if necessary;

- m. Other rights and duties stipulated in law.
- 2. The General Meeting of Shareholders shall discuss and approve the following issues:
 - a. The Company's annual business plans;
 - b. The audited annual financial statements;
 - c. The report of the Board of Directors;
 - d. The report of the Board of Supervisors;
 - f. Dividend rate for each type of shares;
 - g. The number of members of the Board of Directors and the Board of Supervisors;
 - h. Approval of the list of accredited audit organizations; allowing accredited audit organizations to audit the Company's operation; dismissing accredited auditors if necessary;
 - i. Election, dismissal and removal of members of the Board of Directors and the Board of Supervisors;
 - j. Decisions on the budget or total remunerations, bonuses and other benefits of the Board of Directors;
 - k. Amendments and supplements of the Company's Charter;
 - l. The type of shares and the number of new shares to be issued for each type of shares;
 - m. Division, splitting, consolidation, merger or conversion of the Company;
 - n. Re-organization and dissolution (liquidation) of the Company and appointment of the liquidator;
 - o. Inspecting and dealing with breaches committed by the Board of Directors and the Board of Supervisors that cause damage to the Company and its shareholders;
 - p. Making decisions on investment or sale of assets of the Company with the value equal to or more than thirty-five percent (35%) of the value of the total assets recorded in the Company's latest financial statements;
 - q. Repurchase of over ten percent (10%) of issued shares of each type;
 - r. Approval of the Internal Regulations on Corporate Governance, operation of the Board of Directors and the Board of Supervisors;
 - s. The type, aggregate value and timing of the offering of convertible bonds and bonds accompanied by warrants.
 - t. Granting loans or providing guarantees to members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, other managers who are not shareholders, and individuals and organizations related to such persons;
 - u. Granting loans or providing guarantees to organizations related to members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, and other managers, where the Company and such organizations are companies within the same group of companies or companies operating under a group structure, including parent companies and subsidiaries and economic groups;

v. Deciding on transactions having a value equal to or exceeding thirty-five percent (35%) of the total value of assets recorded in the most recent financial statements, or transactions resulting in the aggregate value of transactions arising within twelve (12) months from the date of execution of the first transaction being equal to or exceeding thirty-five percent (35%) of the total value of assets recorded in the most recent financial statements, between the Company and one of the following persons or entities:

- Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, other managers, and persons related to such persons;
- Shareholders and authorized representatives of shareholders holding more than ten percent (10%) of the total common share capital of the Company, and persons related to such shareholders;
- Enterprises that members of the Board of Directors, Supervisors, the General Director and other managers of the Company are required to disclose in accordance with Clause 2, Article 164 of the Corporate Law;

In such cases, shareholders having interests related to the parties to the contracts or transactions shall not have voting rights.

w. Deciding on contracts and transactions involving borrowing, lending, or the sale of assets having a value exceeding ten percent (10%) of the total value of the Company's assets as recorded in the most recent financial statements, entered into between the Company and a shareholder holding fifty-one percent (51%) or more of the total voting shares, or persons related to such shareholder.

x. Other matters as prescribed by applicable laws, this Charter and other regulations of the Company.

3. Shareholders shall not be entitled to vote in the following cases:

- a. Approval of the contracts specified in Clause 2 of this Article where such shareholder or a person related to such shareholder is a party to the relevant contract;
- b. The repurchase of shares held by such shareholder or by persons related to such shareholder, except where the repurchase is conducted in proportion to the ownership ratio of all shareholders or is carried out through order matching transactions on the Stock Exchange or by way of a public tender offer in accordance with applicable laws.

4. All resolutions and issues included in the meeting agenda shall be discussed and voted on the General Meeting of Shareholders.

Article 16. Authorized representatives attending in the General Meeting of Shareholders

1. An individual shareholder may authorize only one (01) other individual or organization to act as its authorized representative. An organizational shareholder holding at least ten percent (10%) of the total common shares of the Company may appoint up to five (05) authorized representatives.

2. A shareholder, an authorized representative of a shareholder being an organization may attend or authorize another individual or organization to attend the General Meeting of Shareholders or using other methods stipulated in Clause 3 Article 144 of the Corporate Law, subject to the following limits:

- a. An individual shareholder may authorize only one (01) other individual or one (01) other organization to attend the meeting;
- b. An organizational shareholder holding less than ten percent (10%) of the total common shares may authorize a maximum of one (01) representative to attend the meeting of the General Meeting of

Shareholders. An organizational shareholder holding ten percent (10%) or more of the total common shares may authorize a maximum of five (05) representatives to attend the meeting. Where more than one authorized representative is appointed, the number of shares and votes authorized to each representative must be specifically designated. If the shareholder does not specify the number of shares corresponding to each authorized representative, such shares shall be allocated equally among all authorized representatives.

3. The authorization stipulated in Clause 1 of this Article shall be made in writing. Letter of authorization must be in accordance with civil law and regulations and shall contain the name of the authorizing shareholder, the authorized individual or organization, the number of shares authorized, content, scope and duration of authorization, signatures of the authorizing party and the authorized party.

The authorized individual or organization shall submit the letter of authorization when registering for attending the meeting. In case an authorized party authorizes another party to attend the meeting, the letter of authorization written by the shareholder or authorized representative of the institutional shareholder shall be presented (in case it has not been registered with the Company yet).

4. Votes/Election ballots casted by the authorized representatives within the scope of authorization shall be effective unless:

- a. The authorizing person is dead, has a limitation on civil act capacity or loses civil act capacity;
- b. The authorizing person cancels the authorization;
- c. The authorizing person cancels the authority of the authorized person.

This Clause does not apply for the cases in which the Company receives a notification of any of the aforementioned events prior the opening of the General Meeting of Shareholders or before the General Meeting of Shareholders is re-convened.

Article 17. Change of rights

1. The change or cancellation of special rights attached to a type of preference shares shall take effect when such change or cancellation shall be approved by shareholders holding at least sixty-five percent (65%) or more of the total votes of all shareholders/their representatives attending the meeting and voting in favour. The resolution of the General Meeting of Shareholders on matters adversely affecting the rights and obligations of holders of preference shares shall only be passed if it is approved by shareholders attending the meeting holding at least seventy-five percent (75%) of the total preference shares of the same type, or by holders of at least seventy-five percent (75%) of the total preference shares of the same type in the case where the resolution is adopted by way of obtaining written opinions.

2. The meeting of shareholders holding a particular class of preference shares to approve the aforesaid changes to their rights shall be valid only if attended by at least two (02) shareholders (or their authorized representatives) holding at least one-third (1/3) of the face value of the issued shares of that type. Where the number of shareholders/their representatives as required above is insufficient, the meeting shall be re-organized within thirty (30) days after that and the shareholders holding that type of shares (regardless of the number of attendees and the number of shares) who are present in person at the meeting or through their authorized representatives shall be deemed to constitute the quorum. At the meeting of shareholders holding the preference shares mentioned above, shareholders holding that type of shares being present in person or through their representatives may request a

secret ballot. Each share of the same type shall have the equal voting rights at the meeting mentioned above.

3. The procedure for conducting such a separate meeting shall be implemented in the same way as stipulated in Articles 19, 20 and 21 of this Charter.

4. Unless otherwise stipulated in the terms of shares issuance, special rights attached to the different types of preference shares in respect to some or all issues related to the distribution of profit or assets of the Company shall not be changed when the Company issues additional shares of the same type.

Article 18. Convening the General Meeting of Shareholders, agenda and notice of the General Meeting of Shareholders

1. The Board of Directors shall convene annual and extraordinary General Meeting of Shareholders. The Board of Directors shall convene extraordinary General Meeting of Shareholders in the cases stipulated in Clause 3 Article 14 of this Charter.

2. The convenor of a General Meeting of Shareholders must carry out the following duties:

a. Make a list of shareholders who are eligible to attend and vote at General Meeting of Shareholders. This list shall be made no more than ten (10) days before the date of sending invitation letter; The Company shall disclose the information of making this list at least 20 days before the record date;

b. Provide information and resolve complaints relating to the list of shareholders;

c. Prepare the meeting agenda and contents;

d. Prepare meeting documents;

e. Draft the resolution of the General Meeting of Shareholders based on the meeting contents; The list of candidates and detailed information on each candidate in the election of members of the Board of Directors and the Board of Supervisors;

f. Determine the time and venue of the meeting;

g. Make an announcement on the organization of General Meeting of Shareholders and send invitations to all shareholders who are eligible to attend the General Meeting of Shareholders;

h. Provide the corresponding login credentials and passwords to shareholders and their authorized representatives (if any) to access the online General Meeting of Shareholders system, attend the meeting, and exercise their voting and election rights in the event that the Company organizes an online General Meeting of Shareholders and electronic voting;

i. Perform other tasks related to the General Meeting.

3. The invitations to the General Meeting of Shareholders shall be sent to all shareholders by means to ensure reaching shareholders' addresses and at the same time shall be published on the website of the Company, State Securities Commission of Vietnam and the Stock Exchange where the Company's shares are listed. The convenor of the General Meeting of Shareholders shall send invitations to all shareholders on the list of shareholders who are eligible to attend the General Meeting of Shareholders at least twenty-one (21) days before the date of the General Meeting of Shareholders (from the date on which the notice is duly sent or dispatched, postage prepaid, or deposited in the mail). The invitations to the General Meeting of Shareholders shall specify the name, head office address, Business Registration Certificate number; the name and contact address of the shareholder; the time and venue of the meeting; and other requirements applicable to attendees. The

agenda of the General Meeting of Shareholders and documents relating to matters to be voted on at the meeting shall be sent to shareholders and/or published on the Company's website. Where such documents are not enclosed with the invitation to the General Meeting of Shareholders, the invitation shall clearly indicate the link to the complete set of meeting documents for shareholders to access, including:

- a. The meeting agenda and documents which will be used at the meeting;
- b. The list and profiles of all candidates for members of the Board of Directors and the Board of Supervisors in case there is an election at the meeting;
- c. Votes/election ballots;
- d. Draft resolution on each issue mentioned in the meeting agenda.

4. A shareholder or group of shareholders stipulated in Clause 2 Article 12 of this Charter has the rights to propose other issues to be included in the agenda of the General Meeting of Shareholders. The proposal must be made in writing and sent to the Company at least seven (07) business days before the date of the General Meeting of Shareholders. The proposal shall specify shareholders' name, the number of shares of each type held by the shareholders and the issues proposed to be included in the agenda.

5. The convenor of the proposed has the rights to reject the proposal mentioned in Clause 4 of this Article, provided that, no later than two (02) business days prior to the opening date of the General Meeting of Shareholders, the convenor responds in writing and states the reasons therefor. The convenor of the General Meeting of Shareholders may reject the proposal only in one of the following cases:

- a. The proposal sent does not comply with Clause 4 of this Article;
- b. At the time of the proposal, a shareholder or a group of shareholders does not hold at least five percent (05%) of total common shares as stipulated in Clause 3 Article 12 of this Charter;
- c. The proposed issues is outside the authority of the General Meeting of Shareholders for approval;
- d. Other cases stipulated in law and this Charter.

6. The convenor of the General Meeting of Shareholders shall accept and include the proposed issues mentioned in Clause 4 of this Article to the intended meeting agenda, except the cases stipulated in Clause 5 of this Article; the proposed issues shall be officially included in the meeting agenda if they are approved by the General Meeting of Shareholders.

Article 19. Conditions for conducting the General Meeting of Shareholders

1. The General Meeting of Shareholders shall be conducted when shareholders attending the meeting represent over fifty percent (50%) of the total votes.

2. In case the General Meeting of Shareholders has an insufficient number of shareholders attending the meeting as stipulated in Clause 1 of this Article invitations to the second meeting shall be sent within thirty (30) days from the intended date of the first meeting. The second General Meeting of Shareholders shall be conducted when shareholders attending the meeting represent at least thirty-three percent (33%) of the total votes.

3. In case the second meeting has an insufficient the number of shareholders attending the meeting as stipulated in Clause 2 of this Article invitations to the third meeting shall be sent within twenty

(20) days from the intended date of the second meeting. The third General Meeting of Shareholders shall be conducted regardless of the number of shareholders attending the meeting.

4. Only the General Meeting of Shareholders shall have the authority to decide on amendments to the meeting agenda that has been enclosed with the invitation in accordance with Article 142 of the Corporate Law.

Article 20. Procedures for conducting and voting at the General Meeting of Shareholders

1. Before the opening of the General Meeting of Shareholders, the Company shall conduct the procedures for shareholder registration until all shareholders having the rights to attend the meeting and being present at the meeting are registered in the following order:

a. When conducting shareholder registration, the Company shall issue to each shareholder or authorized representative having voting rights a voting card and/or voting ballot and/or election ballot (if any), stating the registration number, the full name of the shareholder or authorized representative, and the number of votes/election votes of such shareholder or authorized representative. The General Meeting of Shareholders shall discuss and vote on each matter included in the agenda. Voting shall be conducted by means of approve, disapprove and abstain. The vote-counting results shall be announced by the Chairman/the Vote Counting Committee immediately before the closing of the meeting. The General Meeting of Shareholders shall elect the persons responsible for vote counting or supervising the vote counting upon the proposal of the Chairman. The number of members of the Vote Counting Committee shall be determined by the General Meeting of Shareholders based on the proposal of the Chairman of the meeting;

b. In the event that the Company holds the General Meeting of Shareholders online and conducts electronic voting, shareholders and their authorized representatives (if any) shall access the online General Meeting of Shareholders system and electronic voting system to attend the meeting and exercise their voting and election rights.

c. A shareholder, an authorized representative of an organizational shareholder, or a proxy arriving after the commencement of the meeting shall have the right to register immediately and, thereafter, to participate in and exercise voting/election rights at the General Meeting of Shareholders immediately upon completion of such registration. The Chairperson shall not be required to suspend the meeting to allow late-arriving shareholders to register, and the validity of any matters that have already been voted on or elected prior thereto shall remain unaffected.

2. Election of the Chairman, secretary, the Shareholder/Shareholder Representative Eligibility Verification Committee and Vote Counting Committee shall be conducted as follows:

a. The Chairman of the Board of Directors shall be the Chairman or authorize another member of the Board of Directors to be the Chairman of the General Meeting of Shareholders convened by the Board of Directors. If the Chairman of the Board of Directors is absent or temporarily unable to work, the remaining members of the Board of Directors shall elect one of them as the Chairman under the majority rule. In case a Chairman of the meeting cannot be elected, the Head of Board of Supervisors shall arrange for General Meeting of Shareholders to elect the Chairman of the meeting among the attendees and the person with the highest number of votes shall be the Chairman of the meeting;

b. Except for the case stipulated in Point a of this Clause, the person who signs the decision to convene the General Meeting of Shareholders arrange for the General Meeting of Shareholders to elect the Chairman of the meeting and the person with the highest number of votes shall be the Chairman of

the meeting;

c. The Chairman shall appoint one or some people as secretaries of the meeting and to serve on the Shareholder/Shareholder Representative Eligibility Verification Committee for the purposes of the meeting;

d. The General Meeting of Shareholders shall elect one or some people to the Vote Counting Committee at the request of the Chairman.

3. The agenda and contents of the meetings shall be approved by the General Meeting of Shareholders in the opening session. The agenda shall specify contents and the timeline for each content.

4. The Chairman has the rights to implement necessary and reasonable measures to ensure that the conduct of the General Meeting of Shareholders is in a valid and orderly manner, follows the approved agenda and reflects the expectation of the majority of attendees:

a. Arrange seats at the meeting venue;

b. Ensure safety for all people who are present at the meeting venues;

c. Create favorable conditions for shareholders to attend (or continue to attend) the General Meeting of Shareholders. The convenor of the General Meeting of Shareholders has the full authority to change the aforementioned measures and implement all necessary measures. The measures implemented may be the issuance of entry cards or other form of selection.

5. The General Meeting of Shareholders shall discuss and vote on each issue in the agenda. Voting shall be conducted by Approve, Disapprove and Abstain. The voting result shall be announced right before the end of the meeting.

6. Shareholders and authorized representatives who arrive after the opening of the meeting are still permitted to register and have the rights to vote at the meeting after registration. The validity of the previous voted contents shall remain unchanged.

7. The convenor of the General Meeting of Shareholders or the Chairman of the meeting has the rights to:

a. Request all attendees to be checked or take other legal and reasonable security measures;

b. Request the authority to maintain the order during the meeting; expel those who do not comply with the Chairman, intentionally disrupt the order, obstruct the normal progress of the meeting or do not comply with the requirements for security check for General Meeting of Shareholders.

8. The Chairman is entitled to delay the meeting, which has a sufficient number of shareholders registering for attending, no more than three (03) days from the intended meeting date and the General Meeting of Shareholders may only be delayed or relocated in the following cases:

a. The meeting venue does not have adequate convenient seats for all attendees;

b. The media at the meeting is not guaranteed for shareholders attending the meeting to discuss and vote;

c. There is an attendee who obstruct, disrupt the order, prevent the meeting from being conducted in a fair and lawful manner.

9. In case the Chairman delay or suspend the General Meeting of Shareholders which contravenes Clause 8 of this Article, the General Meeting of Shareholders shall elect another person among the

attendees to replace the Chairman of the meeting for presiding over the meeting until the end; all resolutions passed at that meeting shall be effective.

10. In case the Company holds the General Meeting of Shareholders through an online meeting, the Company are responsible for ensuring that shareholders are able to attend, cast vote through electronic voting or by using another electronic method in accordance with Article 144 of the Corporate Law and Clause 3 Article 273 of Decree No. 155/ND-CP dated December 31, 2020 elaborating a number of articles of Securities Law.

Article 21. Conditions for passing resolutions of the General Meeting of Shareholders

1. Resolutions on the following issues shall be passed if they are approved by shareholders representing at least sixty-five percent (65%) of the total votes of of the total votes of all shareholders attending and voting at the meeting, except for the cases stipulated in Clauses 3, 4 and 5 of this Article:

- a. Types of shares and the number of shares of each type;
- b. Changes of lines of business and business sector;
- c. Changes of the Company's organizational structure;
- d. Investment projects or sale of assets with the value equal to or more than thirty-five percent (35%) of the value of the total assets recorded in the Company's latest financial statements;
- e. Re-organization, dissolution of the Company.

2. Resolutions shall be passed if they are approved by shareholders owning more than fifty percent (50%) of the total votes cast in favour by all shareholders attending and voting at the meeting, except for the cases stipulated in Clause 1, 3, 4 and 5 of this Article.

3. The election of members of the Board of Directors and the Board of Supervisors may be conducted using the cumulative voting method, whereby each shareholder shall have a total number of votes corresponding to the total number of shares held multiplied by the number of members to be elected to the Board of Directors or the Board of Supervisors, and each shareholder shall have the right to allocate all or part of such votes to one or more candidates. The elected members of the Board of Directors or the Board of Supervisors shall be determined in descending order of votes received, starting from the candidate receiving the highest number of votes until the number of members prescribed in this Charter is filled. In the event that two (02) or more candidates receive an equal number of votes for the last seat on the Board of Directors or the Board of Supervisors, a re-election shall be conducted among those candidates with equal votes, or the selection shall be made in accordance with the criteria set out in the election regulations. In addition, the election of members of the Board of Directors and the Board of Supervisors may be conducted using other methods as stipulated in the Internal Regulations on Corporate Governance or the election regulations applicable to each election.

4. Where a resolution is adopted by way of collecting written opinions, such resolution of the General Meeting of Shareholders shall be passed if approved by shareholders representing more than fifty percent (50%) of the total votes in favour of all shareholders having voting rights.

5. A resolution of the General Meeting of Shareholders concerning any matter that adversely changes the rights and obligations of shareholders holding preferred shares shall be approved only if approved by shareholders holding the same class of preferred shares attending the meeting and representing at least seventy-five percent (75%) of the total number of such type of preferred shares, or by

shareholders holding preferred shares of the same class and representing at least seventy-five percent (75%) of the total number of such type of preferred shares in the event that the resolution is adopted by way of collecting written opinions.

6. Resolutions of the General Meeting of Shareholders that are passed with 100% of the total voting shares shall be lawful and effective even if the order, procedures for convening the meeting and passing the resolutions are not conformable with the Corporate Law and the Company's Charter.

Article 22. Authority and procedures for collection of written opinions of shareholders to pass resolutions of the General Meeting of Shareholders

The authority and procedures for collection of written opinions to pass resolutions of the General Meeting of Shareholders:

1. The Board of Directors is entitled to collect written opinions of shareholders to pass resolutions of the General Meeting of Shareholders when it is deemed necessary for the Company's interests, except for the cases stipulated in Clause 2 Article 147 of the Corporate Law, specifically:

- a. Amendments to and supplements of the Company's Charter;
- b. The Company's development orientation;
- c. The types of shares and the total number of shares of each type;
- d. The election, dismissal and removal of members of the Board of Directors and the Board of Supervisors;
- e. Decisions on investments or the sale of assets having a value equal to or exceeding thirty-five percent (35%) of the total value of the Company's assets as recorded in the most recent financial statements of the Company, unless the Company's Charter provides for a different ratio or value;
- f. Approval of the annual financial statements;
- g. Reorganization or dissolution of the Company.

2. The Board of Directors shall prepare and send a written opinion form, a draft of resolutions of the General Meeting of Shareholders, documents explaining the draft of resolutions to all shareholders with voting rights at least fifteen (15) days prior to the deadline for returning the written opinion forms. The preparation of the list of shareholders to whom the written opinion forms are to be sent shall be carried out in accordance with Clauses 1 and 2 of Article 141 of the Corporate Law. The requirements and methods for sending the written opinion forms and accompanying documents shall comply with Clause 3 Article 18 of this Charter.

3. The written opinion form shall contain the following information:

- a. The Company's name, head office address, business code;
- b. Purposes of collecting written opinions;
- c. Full name, mailing address, nationality, identity card numbers of individual shareholders; tên, mã names, business codes or numbers of legal documents and head office addresses of institutional shareholders; or full name, mailing address, nationality, number of the legal document of the individual acting as the authorized representative of the organizational shareholder; the number of shares of each type and the number of votes of shareholders;
- d. The issues needed to obtain opinions in order to pass the resolutions;

- e. Voting options for each issue, including Approve, Disapprove and Abstain of each contents;
 - f. Deadline for returning completed written opinions forms to the Company;
 - g. Full name and signature of the Chairman of the Board of Directors.
4. Shareholders may send their completed written opinion forms to the Company by mail, fax or email as follows:
- a. The completed written opinion form sent by mail shall bear the signature of the shareholder who is an individual or the signature of the authorized representative or legal representative of the shareholder that is an organization. The written opinion form shall be returned to the Company in a sealed envelope and no one shall be permitted to open the envelope prior to the vote counting;
 - b. The opinion form sent by fax or email must be kept confidential prior to the vote counting;
 - c. The opinion forms that are returned to the Company after the deadline written therein or opened (for those sent by mail) or revealed (for those sent by fax or email) shall be invalid. The opinion form that is not returned to the Company shall be considered not voting.
5. The Board of Directors shall organize the counting of votes and prepare the minutes of vote counting under the witness and supervision of the Board of Supervisors, or shareholders who do not holding managerial positions in the Company. The minute of vote counting shall contain the following information:
- a. The Company's name, head office address, business code;
 - b. Purposes of collecting written opinions and the issues needed to obtain opinions in order to approve the resolutions;
 - c. The number of shareholders and the total number of votes being cast, classifying the total number of votes into the number of valid and invalid votes, the method of sending votes and the appendix as a list of shareholders who cast their votes;
 - d. The total number of votes Approve, Disapprove and Abstain on each issue;
 - e. The issues are approved and ratio of votes for;
 - f. Full name and signature of the Chairman of the Board of Directors, the person counting votes and the person supervising vote counting.
- The members of the Board of Directors, the person counting votes and the person supervising vote counting shall be jointly responsible for the truthfulness and accuracy of the minute of vote counting and any damage caused by the resolutions that are passed because of an untruthful and inaccurate vote counting.
6. The minute of vote counting and resolutions shall be published on the Company's website within twenty-four (24) hours from the completion of vote counting.
7. The completed written opinion forms, the minute of vote counting, the resolutions which are passed and the related documents enclosed with the written opinion forms must be archived at the Company's head office.
8. The resolutions passed by the form of collecting written opinion of shareholders must be approved by shareholders owning more than 50% of the total votes of all shareholders with voting rights approve and has the same value as those passed at the General Meeting of Shareholders.

Article 23. Resolutions and minutes of the General Meeting of Shareholders

1. All General Meeting of Shareholders shall be recorded in written minutes or audio in other electronic forms. The minutes must be in Vietnamese and may also be in foreign languages with the following contents:

- a. The Company's name, head office address, business code;
- b. Time and location of the General Meeting of Shareholders;
- c. Agenda and contents of the meeting;
- d. Full names of the Chairman and secretaries of the meeting;
- e. Summary of the happenings of the meeting and opinions expressed at the meeting on each issue on the meeting agenda;
- f. The number of shareholders attending the meeting and their votes; the appendix as a list of shareholders registering for the meeting and representatives of shareholders attending the meeting with their number of shares and votes;
- g. The total number of votes on each issue, the voting method, the number of valid and invalid votes, vote of Approve, Disapprove and Abstain; corresponding ratios of these votes to the total number of votes of shareholders attending the meeting;
- h. The aggregate number of election votes cast for each candidate (if any);
- i. The matters approved and the corresponding voting approval ratios;
- j. Full name and signatures of the Chairman and secretaries of the meeting.

In case the Chairman, the secretary refuse to sign the minute, the minute is still effective if it bears the signatures of all other members of the Board of Directors attending the meeting and has all information stipulated in this Clause. The minute shall specify that the Chairman, secretary refuse to sign it.

2. The resolutions, minutes of General Meeting of Shareholders shall be completed and passed before the meeting ends. The Chairman and Secretaries or other persons who sign the minute shall be jointly responsible for its truthfulness and accuracy.

3. The resolutions, minutes in Vietnamese and foreign languages have the same legal effect. In case of discrepancies between the minute in Vietnamese and the minute in foreign language, the former shall apply.

4. The resolutions and minutes of the General Meeting of Shareholders shall be fully disclosed on the Company's website, the electronic information portal of the State Securities Commission of Vietnam, and the Stock Exchange within twenty-four (24) hours from the time they are adopted by the General Meeting of Shareholders and in accordance with the Corporate Law.

5. The resolutions and minutes of the General Meeting of Shareholders, the appendix containing the list of shareholders registered to attend the meeting that has been approved, and the documents enclosed with the invitation to the meeting shall be kept and retained at the Company's head office.

Article 24. Request for cancellation of resolutions of the General Meeting of Shareholders

Within ninety (90) days from the date of receipt of the resolutions or minutes of the General Meeting of Shareholders or the minutes of vote counting of collecting written opinion of shareholders, the

shareholder or group of shareholders specified in Clause 3 Article 12 of this Charter shall have the right to request the Court or an Arbitration Tribunal to review and revoke such resolution, or part thereof, in the following cases:

1. The procedures and formalities for convening the General Meeting of Shareholders or collecting shareholders' written opinions, and for adopting resolutions of the General Meeting of Shareholders, seriously violate the provisions of the Corporate Law and this Charter, except for the case stipulated in Clause 6 Article 21 of this Charter.
2. The contents of the resolutions violate laws and regulations or this Charter.

CHAPTER VII. THE BOARD OF DIRECTORS

Article 25. Nomination and self-nomination of members of the Board of Directors

1. If the candidates for the Board of Directors have been identified, the Company shall publish information about these candidates on the Company's website at least ten (10) days before the date of the General Meeting of Shareholders for shareholders reference before voting Board of Directors candidates shall make a written commitment confirming the truthfulness, accuracy and reasonableness of the personal information disclosed and shall undertake to perform their duties honestly, prudently and in the best interests of the Company if elected as members of the Board of Directors. Information relating to candidates for the Board of Directors to be disclosed shall include at least the following particulars:

- a. Full name, date of birth;
- b. Qualifications;
- c. Work experience;
- d. Other managerial positions (including positions in the Board of Directors of other companies);
- e. Interests relevant to the Company and the Company's related parties;
- f. Information on the companies in which the candidate currently holds the position of member of the Board of Directors, other managerial positions, and any interests related to such companies of the candidate for the Board of Directors (if any)
- g. The full name(s) of the shareholder or group of shareholders nominating such candidate (if any);
- h. Other information (if any).

2. A shareholder or a group of shareholders owning at least ten percent (10%) of the total common shares has a right to nominate candidates as members of the Board of Directors in accordance with the Corporate Law and the Company's Charter. Shareholders holding common shares shall have the right to aggregate their voting rights to nominate candidates for the Board of Directors.

Shareholders or groups of shareholders holding from ten percent (10%) to less than twenty percent (20%) of the total voting shares shall be entitled to nominate one (01) candidate; those holding from twenty percent (20%) to less than thirty percent (30%) may nominate up to two (02) candidates; those holding from thirty percent (30%) to less than forty percent (40%) may nominate up to three (03) candidates; those holding from forty percent (40%) to less than fifty percent (50%) may nominate up to four (04) candidates; those holding from fifty percent (50%) to less than sixty percent (60%) may nominate up to five (05) candidates; those holding from sixty percent (60%) to less than seventy

percent (70%) may nominate up to six (06) candidates; those holding from seventy percent (70%) to eighty percent (80%) may nominate up to seven (07) candidates; and those holding from eighty percent (80%) to less than ninety percent (90%) may nominate up to eight (08) candidates.

3. In case the number of candidates nominated by the Board of Directors is insufficient as required in Clause 5 Article 115 of the Corporate Law, the incumbent Board of Directors shall nominate additional candidates or hold a nomination in accordance with the Company's Charter, the Internal Regulations on Corporate Governance and the Board Charter. The nomination of candidates to Board of Directors by the incumbent Board of Directors must be clearly announced before shareholders vote for members of the Board of Directors in accordance with the law and other regulations.

4. Members of the Board of Directors shall satisfy the criteria and conditions stipulated in Clause 1 and Clause 2 Article 155 of the Corporate Law and this Charter.

Article 26. Composition and term of the Board of Directors

1. The Board of Directors has five (05) members. The term of office of a member of the Board of Directors shall not exceed five (05) years and members of Board of Directors may be re-elected with no term limit. An individual may only be elected to an independent member of Board of Directors of a company for no more than two (02) consecutive terms. In case the terms of office of all members of the Board of Directors end at the same time, they shall still be members of the Board of Directors until new members are elected and take over the works of Board of Directors.

2. Composition of the Board of Directors:

The composition of the Board of Directors of a public company shall ensure that at least one third (1/3) of the total members of the Board of Directors shall be non-executive members. The Company shall minimize the number of executive members of the Board of Directors to ensure the independence of the Board of Directors.

The total number of independent members of the Board of Directors shall satisfy the following requirements:

- a. At least 01 independent member if the Board of Directors has 03 – 05 members;
- b. At least 02 independent members if the Board of Directors has 06 – 08 members;
- c. At least 03 independent members if the Board of Directors has 09 – 11 members.

3. A member of the Board of Directors loses his/her status as member of the Board of Directors when he/she is dismissed, removed or replaced by the General Meeting of Shareholders as stipulated in Article 160 of the Corporate Law.

4. Information about appointment of members of the Board of Directors shall be disclosed in accordance with regulations on information disclosure on the securities market.

5. Members of the Board of Directors are not necessarily shareholders of the Company.

Article 27. Rights and duties of the Board of Directors

1. The Board of Directors is the governing body of the Company and has the full authority to make decisions, exercise rights and obligations of the Company on behalf of the Company, except for the rights and duties under the authority of the General Meeting of Shareholders.

2. Rights and duties of the Board of Directors shall be stipulated in law, the Company's Charter and by the General Meeting of Shareholders. To be specific:
- a. Deciding the strategy, medium-term development plans and annual business plans of the Company;
 - b. Determining the Company's operational objectives on the basis of the strategic objectives approved by the General Meeting of Shareholders;
 - c. Electing, dismissing and removing the Chairman of the Board of Directors; appointing, dismissing, signing and terminating contracts with the General Director and other key managers as stipulated in the Company's Charter; deciding salaries, remunerations, bonuses and other benefits of these managers; appointing authorized representatives to the Board of Directors or attend General Meeting of Shareholders of other companies, deciding the remunerations and other benefits of the authorized representatives;
 - d. Supervising and directing the day-to-day business management of the General Director and other managers;
 - e. Deciding the organizational structure, internal management regulations of the Company, deciding to establish subsidiary, branches, representative offices, capital contribution and purchase of shares of other enterprises;
 - f. Proposing re-organization, dissolution of the Company; requesting bankruptcy of the Company;
 - g. Deciding to promulgate the Board Charter and the Internal Regulations on Corporate Governance after they are passed by the General Meeting of Shareholders, deciding to promulgate the Charter of the Audit Committee which is a subcommittee of the Board of Directors, deciding to promulgate the regulations on information disclosure;
 - h. Approving the agenda and documents of the General Meeting of Shareholders; convening the General Meeting of Shareholders or collecting opinions for the General Meeting of Shareholders to approve its resolutions;
 - i. Proposing dividend rate; deciding the time and procedures for dividends payment or dealing with losses incurred during business operation;
 - j. Proposing types of shares and the total number of authorized shares of each type;
 - k. Deciding to sell the unsold shares within the number of authorized shares of each type; deciding to raise additional capital in other forms;
 - l. Deciding to repurchase shares in accordance with Clause 1 and Clause 2 Article 133 of the Corporate Law;
 - m. Deciding the investment plans and investment projects within the authority and limits in accordance with the law and other regulations;
 - n. Deciding the solutions for market development, marketing and technology;
 - o. Approving the contracts for purchase, sale, borrowing, lending and other contracts and transactions with the value equal to or more than thirty-five percent (35%) of the value of the total assets recorded in the Company's latest financial statement, except contracts and transactions within the authority of the General Meeting of Shareholders in accordance with Point d Clause 2 Article 138, Clause 1 and Clause 3 Article 167 of the Corporate Law;

p. Proposing the issuance of convertible bonds and bonds accompanied by warrants; deciding on private placements of bonds, including the type of bonds, the aggregate value of the bonds and the timing of the offering, except for the case stipulated in Point a, Clause 1, Article 130 of the Corporate Law, provided that such decisions shall be reported to the General Meeting of Shareholders at its nearest meeting;

q. Deciding on the selling price of the Company's shares and bonds;

r. Submitting the audited annual financial statements to the General Meeting of Shareholders;

s. Requesting the General Director and other managers of the Company to provide information and documents relating to the financial position and business operations of the Company and its internal units.

The managers so requested shall provide such information and documents in a timely, complete and accurate manner as requested by members of the Board of Directors. The procedures for requesting and providing information shall be specifically prescribed in the Operating Regulations of the Board of Directors.

t. Other rights and duties stipulated in the Corporate Law, the Securities Law, other regulations and the Company's Charter.

3. The Board of Directors shall report to the General Meeting of Shareholders on the activities of the Board of Directors in accordance with applicable laws.

4. Unless otherwise provided by law and this Charter, the Board of Directors may authorize subordinate employees and other executives to act on behalf of the Company in handling matters of the Company.

Article 28. Remunerations, bonuses and other benefits of members of the Board of Directors

1. The company is entitled to pay remunerations and bonuses to members of the Board of Directors based on business performance.

2. Members of the Board of Directors are entitled to receive remunerations and bonuses. Remunerations are calculated based on the number of business days necessary for completing their tasks and the daily remuneration. The Board of Directors shall estimate the remuneration of each member under unanimity rule. The total remunerations and bonuses of the Board of Directors shall be decided by the annual General Meeting of Shareholders.

3. Remuneration of each member of the Board of Directors shall be recorded as the Company's operating costs in accordance with regulations on corporate tax, presented in a separate section of the Company's annual financial statements and reported at the annual General Meeting of Shareholders.

4. Members of the Board of Directors who are holding the executive positions or are members of subcommittees of the Board of Directors or performing duties outside the scope of normal duties of a member of the Board of Directors may be paid an additional remuneration in the form of a lump sum, salary, commission, profit percentage or another form decided by the Board of Directors.

5. Members of the Board of Directors are entitled to be paid all expense for travel, accommodation and other reasonable expenses incurred during performing of their duties as members of Board of Directors, including the expenses incurred in attending the General Meeting of Shareholders, the meeting of the Board of Directors or its subcommittees.

6. The Company may buy liability insurance for members of the Board of Directors after receiving the approval of the General Meeting of Shareholders. This insurance does not cover the responsibility of members of the Board of Directors relevant to their violations against the law and the Company's Charter.

Article 29. Chairman of the Board of Directors

1. The Chairman of the Board of Directors shall be elected among the members of the Board of Directors, dismissed and removed by the Board of Directors.
2. The Chairman of the Board of Directors must not concurrently act as General Director.
3. The Chairman of the Board of Directors shall have the duty to prepare the agenda and meeting materials, convene and preside over meetings of the Board of Directors, and preside over meetings of the General Meeting of Shareholders. The Chairman shall also have other rights and obligations as prescribed in Clause 3 Article 156 of the Corporate Law and this Charter, and shall exercise the following rights and obligations in his/her capacity as the legal representative of the Company:
 - a. Work with, execute and perform transactions with competent state authorities in relation to the purchase and sale of shares and the issuance of the Company's bonds after obtaining approval from the General Meeting of Shareholders.
 - b. Work with, execute and perform transactions with competent state authorities in matters relating to taxation, customs, courts, banking, insurance, labour administration, construction administration and other areas connected with the Company's day-to-day business operations.
 - c. Work with, execute and perform transactions with agencies and enterprises in connection with the Company's day-to-day business activities, including project owners, project management boards, business partners and service providers.
 - d. Recruit employees, execute labour contracts and determine employees' remuneration, except for those matters falling within the authority of the Board of Directors.
 - e. Work with, execute and perform transactions with competent state authorities in relation to the management of public companies, and with other relevant authorities in matters relating to the activities of the Board of Directors.
 - f. Execute labour contracts and other transactions with the Company's executives.
 - g. Execute other contracts and transactions as authorized by the Board of Directors.
4. In case the Chairman of the Board of Directors submits his/her resignation letter or is dismissed or removed, the Board of Directors shall elect a new Chairman within ten (10) days from the date of receiving his/her resignation letter or the date when he/she is dismissed or removed.
5. In case the Chairperson of the Board of Directors is absent or is unable to perform his duties, he/she shall authorize another member of Board of Directors in writing to perform the rights and duties of the Chairman of the Board of Directors in accordance with the Company's Charter. If no one is authorized or the Chairperson of the Board of Directors is dead, missing, detained, imprisoned, detained in a mandatory rehabilitation center or correctional institution, or if the Chairperson has fled the residence, had his/her capacity for civil acts restricted or lost his/her civil act capacity, had difficulties in awareness or controlling his/her behaviors, or he/she is prohibited by the Court from holding certain positions, practicing or doing certain works, the remaining members shall elect one

of them as the Chairman of the Board of Directors under the majority rule until a new decision is made by the Board of Directors.

Article 30. Meetings of the Board of Directors

1. The Chairman of the Board of Directors shall be elected in the first meeting of the Board of Directors within seven (07) business days from the date of completing the election of the Board of Directors. This meeting shall be convened and chaired by the member with the highest number of votes. In case there are more than one (01) member with the same highest number of votes, the members shall elect one (01) person to convene the meeting of the Board of Directors under the majority rule.
2. The Board of Directors shall have at least one (01) meeting per quarter and may have extraordinary meetings.
3. The Chairman of the Board of Directors shall convene a meeting of the Board of Directors in the following cases:
 - a. The meeting is requested by the Board of Supervisors or independent members of the Board of Directors;
 - b. The meeting is requested by the General Director or at least five (05) other managers;
 - c. The meeting is requested by at least two (02) members of the Board of Directors.
4. The requests for meeting mentioned in Clause 3 must be in writing, specify the purposes of the meeting, issues to be discussed and decided under the authority of the Board of Directors.
5. The Chairman of the Board of Directors shall convene the meeting of Board of Directors within seven (07) business days from the date of receiving the request mentioned in Clause 3 of this Article. Otherwise, the Chairman of the Board of Directors shall be responsible for the damage caused to the Company; and the persons requesting the convening of the meeting as specified in Clause 3 of this Article are entitled to convene the meeting of the Board of Directors instead of the Chairman of the Board of Directors.
6. Meetings of the Board of Directors shall be held at the Company's head office or at another venue in Vietnam or overseas as decided by the Chairman of the Board of Directors with the consent of the Board of Directors.
7. The Chairman of the Board of Directors or the person convening the meetings of the Board of Directors shall send invitations at least three (03) business days prior to the meeting date. The invitation shall specify the meeting time, meeting venue, agenda, issues to be discussed and decided. The invitation shall be enclosed with documents used at the meeting and a ballot paper. A member of the Board of Directors may waive the notice of invitation in writing, and such waiver may be amended or revoked in writing by that member of the Board of Directors.

The invitations to the meeting of the Board of Directors may be a physical invitation or sent by phone, fax, email or other forms stipulated in the Company's Charter as long as they ensure the invitations reach the address of each member of the Board of Directors and the Board of Supervisors registered with the Company.
8. The Chairman of the Board of Directors or the person convening the meetings of the Board of Directors shall send the invitations and enclosed documents, which must be the same as those sent to members of Board of Directors, to members of the Board of Supervisors.

Members of the Board of Supervisors are entitled to attend the meetings of the Board of Directors; they are entitled to discuss but are not entitled to vote at the meetings.

9. The meeting of the Board of Directors shall be conducted when there are at least three fourths (3/4) of the members of the Board of Directors attending the meeting. In case the number of members attending the meeting is insufficient, the second meeting shall be convened within seven (07) days from the intended date of the first meeting. The second meeting shall be conducted when there are more than half (1/2) of the members of the Board of Directors attending the meeting.

10. A member of the Board of Directors is considered to attend and vote at the meeting when:

- a. Attend and vote in person at the meeting;
- b. Authorize another person to attend and vote by proxy at the meeting in accordance with Clause 13 of this Article;
- c. Attend and vote in online meeting; cast electronic votes or in other electronic forms;
- d. Send votes to the meeting by mail, fax or email;
- e. Sends votes using other means as stipulated in the Company's Charter.

11. Meetings of the Board of Directors may be conducted by way of teleconference among members of the Board of Directors where all or some of the members are located in different places, provided that each participating member is able to:

- a. Hear each of the other participating members of the Board of Directors speaking during the meeting;
- b. Speak to all other participating members simultaneously. Discussions among members may be conducted directly by telephone or through other means of communication, or by a combination of such methods. Members of the Board of Directors participating in such meetings shall be deemed to be "present" at such meetings. The venue of a meeting held in accordance with this provision shall be the place where the largest number of members of the Board of Directors are present or, if no such place can be determined, the place where the chairperson of the meeting is present.

Resolutions adopted at meetings conducted by telephone and convened and held in a lawful manner shall take effect immediately upon the conclusion of the meeting, provided that they are subsequently confirmed by the signatures of all members of the Board of Directors attending such meeting in the minutes thereof.

12. In case the votes are sent to the meeting by post, they must be in sealed envelopes and delivered to the Chairman of the Board of Directors at least one (01) hour before the opening of the meeting. The votes shall only be opened in the presence of all attendees.

13. The members shall attend all meetings of the Board of Directors. A member may authorize another person to attend the meeting and vote if that is approved by the majority of the members of the Board of Directors.

14. Voting

- a. Except as provided in Point b of this Clause, each member of the Board of Directors, or a proxy appointed in accordance with Clause 13 of this Article, attending a meeting of the Board of Directors in his/her personal capacity shall have one (01) vote;

b. A member of the Board of Directors shall not vote on any contract, transaction or proposal in which such member or his/her related persons has an interest, where such interest conflicts or may conflict with the interests of the Company. Such member of the Board of Directors shall not be counted towards the minimum quorum required for the Board of Directors meeting in respect of resolutions on which such member is not entitled to vote;

c. Subject to the provisions of Point d of this Clause, where an issue arising at a meeting relates to the interests of, or the voting rights of, a member of the Board of Directors and such member does not voluntarily abstain from voting, the ruling of the chairperson of the meeting shall be final, unless the nature or extent of the relevant interest of such member of the Board of Directors has not been fully disclosed;

d. A member of the Board of Directors who derives benefits from a contract as prescribed in Article 42 of this Charter shall be deemed to have a material interest in such contract;

e. Supervisors shall have the right to attend meetings of the Board of Directors and participate in discussions but shall not be entitled to vote.

15. A member of the Board of Directors who, directly or indirectly, derives benefits from a contract or transaction that has been entered into, or is proposed to be entered into, with the Company and who is aware that he/she has an interest therein shall disclose such interest at the first meeting of the Board of Directors convened to discuss the execution of such contract or transaction. Where a member of the Board of Directors is unaware that he/she and his/her related persons have interests at the time the contract or transaction is entered into with the Company, such member of the Board of Directors shall disclose the relevant interests at the first meeting of the Board of Directors held after he/she becomes aware that he/she has, or will have, an interest in the aforesaid contract or transaction.

16. A resolution or decision of the Board of Directors will be approved if it is approved by the majority of the members attending the meeting. In case of a tie, the vote of the Chairman is used to make the final decision.

17. A resolution adopted by way of collecting written opinions shall be passed on the basis of the affirmative votes of a majority of the members of the Board of Directors having voting rights. Such resolution shall have the same validity and effect as a resolution adopted at a meeting of the Board of Directors.

18. Minutes of meetings of the Board of Directors shall be prepared in Vietnamese and may also be prepared in a foreign language. The minutes must bear the signatures of the chairman of the meeting and the minute-taker.

Article 31. Subcommittees of the Board of Directors

1. The Board of Directors may establish subcommittees taking charge of development policies, personnel, remuneration, internal audit and risk management. The number of members of each subcommittee shall be decided by the Board of Directors with at least three (03) persons who are members of the Board of Directors and external members. Independent members of the Board of Directors/non-executive members of the Board of Directors should make up a majority of the subcommittee and one of them shall be appointed as the chairman of the subcommittee under a decision of the Board of Directors. The operation of subcommittees shall comply with regulations of the Board of Directors. A resolution of the subcommittee is only effective when there is a majority of its members attending the meeting of subcommittee and voting for the resolution.

2. The implementation of decisions of the Board of Directors or subcommittees shall be conformable with applicable laws and regulations, the Company's Charter and the Internal Regulations on Corporate Governance.

Article 32. Person in charge of corporate governance, Company's secretary

1. The Board of Directors shall appoint at least one (01) person in charge of corporate governance to assist the efficient implementation of the Company's corporate governance activities. He/she may also be the Company's secretary in accordance with Clause 5 Article 156 of the Corporate Law.

2. The person in charge of corporate governance shall satisfy the following criteria:

- a. Have knowledge of the law;
- b. Not concurrently work for an approved auditing organization that is conducting the audit of the Company's financial statements;
- c. Satisfy other criteria as prescribed by law, this Charter and decisions of the Board of Directors.

3. The Board of Directors may dismiss the person in charge of corporate governance whenever necessary, provided that such dismissal is not contrary to the applicable labour laws. The Board of Directors may appoint an Assistant to the person in charge of corporate governance from time to time.

4. The person in charge of corporate governance has the following rights and duties:

- a. Consulting the Board of Directors about organizing the General Meeting of Shareholders in accordance with regulations and performing tasks related to issues between the Company and its shareholders;
- b. Preparing for meetings of the Board of Directors, the Board of Supervisors and the General Meeting of Shareholders at the request of the Board of Directors or the Board of Supervisors;
- c. Consulting about meeting procedures;
- d. Attending meetings;
- e. Consulting about the procedure for preparing resolutions of the Board of Directors in accordance with laws and regulations;
- f. Providing financial information, copies of minutes of the Board of Directors's meetings and other information to members of the Board of Directors and the Board of Supervisors;
- g. Supervising and reporting to the Board of Directors on the Company's information disclosure;
- h. Assisting in contact between interested parties;
- i. Protecting confidential information in accordance with law and the Company's Charter;
- j. Other rights and duties stipulated in laws and the Company's Charter.

CHAPTER VIII. GENERAL DIRECTOR AND OTHER MANAGERS

Article 33. Organization of the management apparatus

The managerial system of the Company must ensure that the management apparatus shall be responsible to the Board of Directors, shall be under the supervision and leadership of the Board of Directors in the Company's day-to-day business operation. The Company has a General Director, Deputy General Directors, a Chief Accountant and other managerial positions appointed by the Board

of Directors to hold. The appointment, dismissal and removal of the persons holding these positions must be approved by resolutions or decisions of the Board of Directors.

Article 34. Managers of the Company

1. The Company's management personnel are the General Director, Deputy General Director, Chief Accountant.
2. At the request of the General Director and with the approval of the Board of Directors, the Company may recruit other management positions with the number and qualifications of management personnel conformable to the organizational structure and regulations on management of the Company prescribed by the Board of Directors. Management personnel shall have responsibility for assisting the Company in achieving its organizational and business objectives.
3. The General Director shall be paid salary and bonuses, which are decided by the Board of Directors.
4. Salaries of management personnel shall be recorded as the Company's operating costs in accordance with regulations on corporate tax, presented in a separate section of the Company's annual financial statements and reported at the annual General Meeting of Shareholders.

Article 35. Appointment, dismissal, duties and power of the General Director

1. The Board of Directors shall appoint one (01) member of the Board of Directors or hire another person as the Director.
2. The General Director shall manage the Company's day-to-day business operation; be supervised by the Board of Directors; is responsible to the Board of Directors and the law for his/her performance on his/her rights and duties.
3. The term of office of the General Director shall not exceed five (05) years and he/she can be reappointed with no term limit. The appointment may terminate in accordance with the provisions of the employment contract. The General Director shall satisfy the requirements and conditions in accordance with laws and this Charter.
4. The General Director has the following rights and duties:
 - a. Deciding matters related to the Company's day-to-day business operation outside the authority of the Board of Directors, including, on behalf of the Company, entering into financial and commercial contracts (when authorized by the Chairman of the Board of Directors), and organizing and managing the Company's daily business operations in accordance with best management practices;
 - b. Implementing the resolutions and decisions of the Board of Directors;
 - c. Implementing the Company's business and investment plans;
 - d. Proposing to the Board of Directors plans for organizational structure and internal regulations on management of the Company;
 - e. Appointing, dismissing and removing managerial positions in the Company, except for the positions within the authority of the Board of Directors to appoint, dismiss and remove;
 - f. Deciding the salaries and other benefits of the Company's employees, including the managers appointed by the General Director;
 - g. Recruiting employees;

- h. Proposing plans for dividend payment or dealing with business loss;
 - i. Other rights and duties in accordance with laws, this Charter, the Company's internal regulations, resolutions of the Board of Directors, and the employment contract entered into with the Company.
5. The General Director shall be accountable to the Board of Directors and the General Meeting of Shareholders for the performance of the assigned duties and powers, and shall report to these bodies upon request.
6. The Board of Directors may dismiss the General Director when that is approved by the majority of members of the Board of Directors who have voting right and attending the meeting, and appoint a new General Director.

CHAPTER IX. THE BOARD OF SUPERVISORS

Article 36. Nomination and self-nomination of members of the Board of Supervisors

1. The nomination and self-nomination of members of the Board of Supervisors shall be made in accordance with Clause 1 and Clause 2 Article 25 of Company's Charter, as follow:

Shareholders or groups of shareholders holding from ten percent (10%) to less than twenty percent (20%) of the total voting shares shall be entitled to nominate one (01) candidate; those holding from twenty percent (20%) to less than thirty percent (30%) may nominate up to two (02) candidates; those holding from thirty percent (30%) to less than forty percent (40%) may nominate up to three (03) candidates; those holding from forty percent (40%) to less than fifty percent (50%) may nominate up to four (04) candidates; those holding from fifty percent (50%) to less than sixty percent (60%) may nominate up to five (05) candidates; those holding from sixty percent (60%) to less than seventy percent (70%) may nominate up to six (06) candidates; those holding from seventy percent (70%) to eighty percent (80%) may nominate up to seven (07) candidates; and those holding from eighty percent (80%) to less than ninety percent (90%) may nominate up to eight (08) candidates.

2. In case the number of nominated and self-nominated candidates is insufficient, the incumbent Board of Supervisors shall nominate additional candidates or hold a nomination in accordance with the Company's Charter and the Internal Regulations on Corporate Governance and the Board of Supervisors Charter. The nomination of candidates to Board of Supervisors by the incumbent Board of Supervisors must be clearly announced before shareholders vote for members of the Board of Supervisors in accordance with the law and other regulations.

Article 37. Composition of the Board of Supervisors

1. The Board of Supervisors has three (03) members. The term of office of members of the Board of Supervisors shall not exceed five (05) years and they can be re-elected with no term limit.

2. Members of the Board of Supervisors shall satisfy the requirements and conditions in accordance with Article 169 of the Corporate Law and the Company's Charter and shall not:

- a. Work in the Company's accounting or finance department;
- b. Be a Board member or an employee of the independent accredited audit organization auditing the Company's financial statements in the last three (03) years.

3. A member of the Board of Supervisors will be dismissed in the following cases:

- a. Do not satisfy the requirements and conditions to be a member of Board of Supervisors specified in Clause 2 of this Article;
 - b. Submitting resignation letter which is accepted;
 - c. Other cases stipulated in this Charter.
4. A member of the Board of Supervisors will be removed in the following cases:
- a. Failing to complete the assigned tasks and duties;
 - b. Failing to perform his/her rights and duties for six (06) consecutive months, except in case of force majeure;
 - c. Committing multiple violations or serious violations against duties of members of the Board of Supervisors stipulated in the Corporate Law and the Company's Charter;
 - d. Other cases in accordance with the resolutions of the General Meeting of Shareholders.

Article 38. Head of the Board of Supervisors

1. The Board of Supervisors elect one of its members to be the Head of the Board of Supervisors; the election, dismissal and removal of members of the Board of Supervisors are decided under the majority rule. More than half (1/2) of the members of the Board of Supervisors shall reside in Vietnam. The Head of the Board of Supervisors shall have a bachelor's degree or higher in economics, finance, accounting, audit, law, business administration or other majors relevant to the enterprise's operation.

2. Rights and duties of the Head of the Board of Supervisors:

- a. Convening meetings of the Board of Supervisors;
- b. Requesting the Board of Directors, the General Director and other managers to provide relevant information for reporting to the Board of Supervisors;
- c. Preparing and signing reports of the Board of Supervisors to submit to the General Meeting of Shareholders after consulting with the Board of Directors.

Article 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. The Board of Supervisors has the rights and duties in accordance with Article 170 of the Corporate Law and the following rights and duties:

- a. Proposing the list of accredited audit organizations auditing the Company's financial statements to the General Meeting of Shareholders for approval; choosing the accredited audit organizations auditing the Company's operation; removing accredited auditors if necessary;
- b. Taking responsibility to the shareholders for the supervision tasks performed by the Board of Supervisors;
- c. Supervising the Company's finance, regulatory compliance of members of the Board of Directors, the General Director, and other managers.
- d. Ensuring the cooperation with the Board of Directors, the General Director and shareholders.
- e. In case discovering violations against laws or the Company's Charter committed by members of the Board of Directors, General Director and other managers of the Company, the Board of Supervisors must send a written report to the Board of Directors within forty-eight (48) hours after

the discovery of violations, and request the violator to stop committing the violations and take remedial measures;

f. Submitting reports to the General Meeting of Shareholders in accordance with Article 290 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020 elaborating a number of Articles of the Securities Law.

g. Preparing and submitting the Board of Supervisors Charter to the General Meeting of Shareholders for approval;

h. Having the rights to access the Company's files, documents archived at its head office, branches and other places; enter the working places of the Company's managers and employees during office hours.

i. Having the right to request the Board of Directors, its members, the General Director and other managers to provide adequate, accurate information and documents about the management and operation of the Company in a timely manner.

j. Other rights and duties in accordance with laws, regulations and this Charter.

2. Members of the Board of Directors, the General Director and other executives of the Company shall provide full, accurate and timely information and documents relating to the management, administration and operations of the Company at the request of the Board of Supervisors. The person in charge of corporate governance shall ensure that copies of all resolutions and minutes of meetings of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors, financial information, and other information and documents provided to shareholders and members of the Board of Directors are furnished to the members of the Board of Supervisors at the same time and in the same manner as they are provided to shareholders and members of the Board of Directors.

Article 40. Meetings of the Board of Supervisors

1. The Board of Supervisors shall have at least two (02) meetings per year and there must be at least two thirds (2/3) of its members attending a meeting. The meeting minutes must be detailed and clear, bear the signatures of the minute taker and the members of the Board of Supervisors attending the meeting. All meeting minutes of the Board of Supervisors must be archived in order to attribute responsibility of each member.

2. The Board of Supervisors is entitled to request members of the Board of Directors, General Director and representatives of the accredited audit organization to attend its meetings and clarify the raised issues.

Article 41. Salaries, remunerations, bonuses and other benefits of members of the Board of Supervisors

The salaries, remunerations, bonuses and other benefits of members of the Board of Supervisors shall comply with the following regulations:

1. Members of the Board of Supervisors shall be paid salaries, remunerations, bonuses and other benefits in accordance with the decision of the General Meeting of Shareholders. The General Meeting of Shareholders shall decide the total salaries, remunerations, bonuses, other benefits and annual budget for the operation of the Board of Supervisors.

2. Members of the Board of Supervisors shall be paid all reasonable expenses for accommodation, travel and independent counseling services. The total remunerations and expenses must not exceed

the annual budget of the Board of Supervisors which is approved by the General Meeting of Shareholders, unless otherwise decided by the General Meeting of Shareholders.

3. Salaries and operating costs of the Board of Supervisors shall be recorded as the Company's operating costs in accordance with regulations on corporate tax and related regulations and must be presented in a separate section of the Company's annual financial statements.

CHAPTER X. DUTIES OF MEMBERS OF BOARD OF DIRECTORS, MEMBERS OF BOARD OF SUPERVISORS, GENERAL DIRECTOR AND OTHER MANAGEMENT PERSONNEL

Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, other managers shall have responsibility for performing their duties including duties of members of subcommittees of the Board of Directors in a honest and prudent manner for the interests of the Company.

Article 42. Responsibility for honesty and avoidance of conflict of interest

1. Members of the Board of Supervisors, members of the Board of Supervisors, General Director v and other managers shall disclose their relevant interests in accordance with the Article 164 of the Corporate Law and relevant legislative documents.

2. Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, General Director, other managers and their related persons may only use the information obtained from their positions to serve the interests of the Company.

3. Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, and other managers shall be obliged to notify the Board of Directors and the Board of Supervisors in writing of any transactions between the Company, its subsidiaries, or companies in which the public company holds more than fifty percent (50%) of the charter capital, on the one hand, and such persons or persons related to such persons, on the other hand, in accordance with applicable laws. In respect of the aforementioned transactions approved by the General Meeting of Shareholders or the Board of Directors, the Company shall disclose information on such resolutions in accordance with the laws on securities disclosure obligations.

4. Members of the Board of Directors must not vote on the transactions that bring interests to themselves or their related persons as prescribed by the Corporate Law and this Charter.

5. Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, other managers and their related persons must not use or reveal internal information for carrying out relevant transactions..

6. Contracts or transactions between the Company with one or some members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, other managers and their related persons shall not be invalidated in the following cases:

a. In respect of contracts or transactions having a value of less than thirty-five percent (35%) of the total value of assets recorded in the most recent financial statements, or contracts or transactions resulting in the aggregate value of transactions arising within twelve (12) months from the date of execution of the first transaction being less than thirty-five percent (35%) of the total value of assets recorded in the most recent financial statements, excluding the contracts and transactions specified

in Point c of this Clause, the material terms of such contracts or transactions, as well as the relationships and interests of the members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director and other executives, shall have been reported to the Board of Directors and approved by a majority vote of the members of the Board of Directors having no related interests;

b. In respect of contracts or transactions having a value equal to or exceeding thirty-five percent (35%) of the total value of assets recorded in the most recent financial statements, or contracts or transactions resulting in the aggregate value of transactions arising within twelve (12) months from the date of execution of the first transaction being equal to or exceeding thirty-five percent (35%) of the total value of assets recorded in the most recent financial statements, the material terms of such contracts or transactions, as well as the relationships and interests of the members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director and other executives, shall have been disclosed to the shareholders and approved by the General Meeting of Shareholders through the votes of shareholders having no related interests.

c. Contracts or transactions involving loans or the sale of assets having a value exceeding ten percent (10%) of the total value of assets recorded in the most recent financial statements between the Company and a shareholder holding fifty-one percent (51%) or more of the total voting shares, or a related person of such shareholder, shall have been disclosed to the shareholders and approved by the General Meeting of Shareholders through the votes of shareholders having no related interests.

Article 43. Responsibility for damage and compensation

1. Any members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director or other managers that fail to fulfill their duties and obligations in a truthful and prudent manner shall be held responsible for their violations.

2. The Company shall pay compensation to the persons who have become or may become a related party in the complaints, lawsuits, charges (including administrative and civil cases that are not lawsuits filed by the Company) if they were or are members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, General Director, other managers, employees or authorized representatives of the Company who have performed their duties as authorized by the Company, acted in a lawful, honest and prudent manner for the Company's interests and there are no credible evidence of their breach of duty.

3. Costs of compensation include judgment costs, fines, costs incurred (including lawyer payment) or reasonably incurred in the settlement of such matters, within the scope permitted by law. The Company may purchase insurance for these people in order to avoid this liability.

CHAPTER XI. RIGHTS TO ACCESS THE COMPANY'S DOCUMENTS AND RECORDS

Article 44. Rights to access the Company's documents and records

1. Common shareholders have the rights to access the Company's documents and records. To be specific:

a. Common shareholders are entitled to examine, search for and extract information about names and addresses of shareholders from the list of shareholder with the rights to vote; request the rectification

of incorrect information about themselves; examine, search, extract or copy the Company's Charter, minutes and resolutions of the General Meeting of Shareholders;

b. A shareholder or a group of shareholders that hold at least five percent (05%) of common shares are entitled to examine, search and extract the minutes, resolutions and decisions of the Board of Directors, semiannual and annual financial statements, reports by the Board of Supervisors, contracts and transactions required to be approved by the Board of Directors and other documents, except documents relevant to the Company's trade secrets or business secrets.

2. If a representative authorized by a shareholder or a group of shareholders to request access to documents and records, the request must be enclosed with the authorization letter or its notarized copy issued by a shareholder or a group of shareholders.

3. Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, General Director and other managers are entitled to access the Company's shareholder register, list of shareholders, other documents and records for the purposes relevant to their positions, under the condition that aforementioned information is kept confidential.

4. The Company shall retain this Charter and its revisions, the Enterprise Registration Certificate, regulations, documents proving the ownership of assets, resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors, minutes of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors, reports by the Board of Directors and the Board of Supervisors, annual financial statements, accounting records and other documents in accordance with the law at its headquarters or another location, under the condition that the shareholders and business registration authorities are informed of the location where these documents are retained.

5. The Company's Charter must be published on the Company's website.

CHAPTER XII. EMPLOYEES AND TRADE UNION

Article 45. Employees and Trade Union

1. The General Director must formulate a plan for the Board of Directors to approve issues related to hiring, layoff, salaries, social insurance, benefits, commendation and discipline of employees and executives.

2. The General Director must formulate a plan for the Board of Directors to approve issues related to the Company's relationships with trade Law on Enterprise organizations according to the best standards, practices and management policies, as well as according to the practice and policies specified in this Charter, the Company's regulations and applicable laws.

CHAPTER XIII. PROFIT DISTRIBUTION

Article 46. Profit distribution

1. The General Meeting of Shareholders shall decide the dividends and method of annual dividend payment from the Company's retained earnings. Dividends shall be paid to shareholders based on the proposal of the Board of Directors of the Company, in accordance with the following principles:

a. The Reward Fund and Welfare Fund shall be appropriated in accordance with applicable laws, provided that the total amount appropriated shall not exceed ten percent (10%) of the Company's profit after tax generated during the relevant financial year.

- b. The appropriation and utilization of the Management and Executive Bonus Fund and other funds shall be carried out in accordance with applicable laws, taking into account the Company's business performance and its investment and development needs.
2. The Board of Directors may decide on the interim payment of dividends if it considers that such payment is consistent with the Company's profitability, pursuant to the authorization granted by the General Meeting of Shareholders.
3. The Company shall not pay interest on dividends or on payments related to any type of shares.
4. The Board of Directors may request the General Meeting of Shareholders to approve the payment of all or parts of dividends in shares, and the Board of Directors shall execute this decision.
5. If the dividends or other amounts relevant to a type of shares are paid in cash, the Company must pay in VND. Payments may be carried out directly or through banks according to detailed information about bank accounts provided by the shareholders. The Company is not responsible if a shareholder does not receive payment after the Company has transferred money according to the information provided by that shareholder. Dividend payments of stocks listed on Stock Exchanges may be paid via securities companies or Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation.
6. In accordance with the Corporate Law and the Securities Law, the Board of Directors shall approve the resolution or decision which specifies the record date of shareholder list. On the basis of this date, registered shareholders or holders of other securities are entitled to receive dividends in cash or shares, notice and other documents.
7. Other issues relevant to profit distribution are proceeded in accordance with the law.

CHAPTER XIV. BANK ACCOUNTS, FISCAL YEARS, AND ACCOUNTING REGIMES

Article 47. Bank accounts

1. The Company shall open accounts at Vietnamese banks or branches of foreign banks that are permitted to operate in Vietnam.
2. With the permission of competent authorities, out of necessity, the Company may open foreign bank accounts in accordance with the law.
3. The Company shall carry out all payments and accounting transactions through its domestic currency accounts or its foreign currency accounts at the banks that The Company has opened an account at.

Article 48. Fiscal year

The financial year of the Company shall commence on 01 January of each year and end on 31 December of each year.

Article 49. Accounting regimes

1. The accounting regime adopted by the Company shall be the Vietnamese Accounting Standards (VAS), the enterprise accounting regime, or another specific accounting regime issued by the competent authority and approved by the Ministry of Finance.

2. The Company's accounting records shall be written in Vietnamese and retained in accordance with accounting laws and relevant laws. These records shall be accurate, up-to-date, systematic, and sufficient to prove and account for the Company's transactions.

3. The Company shall use VND as the accounting currency. If the Company's transactions primarily use a foreign currency, the Company may use the currency as accounting currency, take legal responsibility and send a notice to its direct tax authority.

CHAPTER XV. ANNUAL REPORTS, FINANCIAL STATEMENTS AND THE OBLIGATION TO DISCLOSE INFORMATION

Article 50. Annual, half-year and quarterly financial statements

1. The Company shall prepare annual financial statements, which must be audited in accordance with the law. The Company shall disclose the audited annual financial statements in accordance with the law on information disclosure on the securities market and submit them to competent authorities.

2. The annual financial statements shall have adequate contents, appendices and descriptions prescribed by corporate accounting laws. Annual financial statements shall truthfully and objectively reflect the Company's operation.

3. The Company shall prepare and disclose audited half-year financial statements and quarterly financial statements in accordance with the law on information disclosure on the securities market and submit them to competent authorities.

Article 51. Annual reports

The Company shall prepare and disclose annual reports in accordance with the Securities Law and the securities market.

CHAPTER XVI. COMPANY AUDIT

Article 52. Auditing

1. The Annual General Meeting of Shareholders shall appoint an approved auditing organization or approve a list of approved auditing organizations and authorize the Board of Directors to select one of such organizations to audit the Company's financial statements for the following financial year based on the terms and conditions agreed with the Board of Directors.

2. A copy of the audit report shall be attached to the Company's annual financial statements.

3. Independent auditor that audits the Company's financial statements is entitled to participate in the General Meeting of Shareholders, receive notices and information relevant to the General Meeting of Shareholders and express opinions at the General Meeting of Shareholders on the issues relevant to the audit of the Company's financial statements.

CHAPTER XVII. THE COMPANY'S SEALS

Article 53. The Company's seals

1. The Company shall have two (02) official seals. The seals may be made by a seal-engraving establishment or in the form of digital signatures in accordance with the laws on electronic

transactions. The contents of the seals shall include the Company's name, enterprise identification number, and registered head office address.

2. The Board of Directors shall decide the types, quantity, forms, and content of the Company's seals, its branches' seals, and its representative offices' seals (if applicable). The Board of Directors shall approve the Company's official seals and the seals engraved in accordance with applicable laws.

3. The Board of Directors and the Directors shall use and manage the seals in accordance with the current laws.

CHAPTER XVIII. DISSOLUTION OF THE COMPANY

Article 54. Dissolution of the Company

1. The Company can be dissolved or cease in the following cases:

- a. The Company is declared bankrupt by the Court in accordance with applicable laws
- b. Upon the expiry of the Company's term of operation without any resolution on its extension;
- c. Prior to the expiry of its term of operation, pursuant to a resolution of the General Meeting of Shareholders on the dissolution of the Company;
- d. The Company fails to maintain the minimum number of shareholders as prescribed by the Corporate Law for a continuous period of six (06) months without carrying out procedures for conversion into another type of enterprise;
- e. The Enterprise Registration Certificate is revoked, unless prescribed otherwise by the Law on Tax Administration;
- f. Other cases prescribed by law.

2. Premature dissolution of the Company (including extensions) must be decided by the General Meeting of Shareholders and executed by the Board of Directors. Such dissolution decision must be announced or approved by competent authorities (if mandatory) as per regulations.

Article 55. Liquidation

1. At least six (06) months before the expiry of the Company's operating period or after a decision on dissolution of the Company is issued, the Board of Directors shall establish a liquidation board, which consists of three (03) members, of whom two (02) members shall be appointed by the General Meeting of Shareholders and one (01) member shall be appointed by the Board of Directors from an independent auditing company. The liquidation board shall prepare its own operating regulations. The members of the liquidation board may be selected from among the Company's employees or independent experts. All expenses relating to the liquidation shall be given priority for payment by the Company before the settlement of the Company's other debts.

2. The liquidation board shall inform the business registration authority of its establishment date and commencement date. From that date, the liquidation board shall perform all liquidation tasks on behalf of the Company in court and under the supervision of administrative authorities.

3. Proceeds from the liquidation shall be spent in the following order:

- a. Liquidation costs;

- b. Unpaid salaries, severance pay, social insurance and other employee benefits according to the collective bargaining agreement and employment contracts;
- c. Tax debts;
- d. Other debts of the Company;
- e. The remaining proceeds after payment of the debts specified in (a) to (d) shall be divided among the shareholders. Priority shall be given to preferred shares.

CHAPTER XIX. SETTLEMENT OF INTERNAL DISPUTES

Article 56. Settlement of internal disputes

1. If there are disputes and complaints related to the Company's operation, rights and obligations of shareholders as prescribed by the Corporate Law, the Company's Charter, other laws or agreements between:

- a. The shareholders and the Company;
- b. The shareholders and the Board of Directors, the Board of Supervisors, the General Director or other managers.

The parties shall attempt to settle these disputes through negotiation and mediation. Except for disputes that involve the Board of Directors or the Chairperson of the Board of Directors, the Chairperson of the Board of Directors shall lead the settlement of disputes and request each party to provide information about their dispute within seven (07) working days from the occurrence of the dispute. If the dispute involves the Board of Directors or the Chairperson of the Board of Directors, either party is entitled to request the Head of Board of Supervisors to appoint an independent expert as a mediator.

2. If the dispute cannot be settled through mediation within 06 weeks or if the mediator's decision is not accepted by the parties, either party may bring the case to court or arbitration.

3. The parties shall pay the cost of negotiation and mediation. Court fees shall be paid according to the court's judgment.

CHAPTER XX. SUPPLEMENTS OR AMENDMENTS TO THE COMPANY'S CHARTER

Article 57. The Company's Charter

1. Additions or amendments to this Charter are subject to approval by the General Meeting of Shareholders.

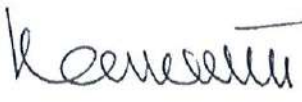


2. In the event that there are provisions of law relating to the operations of the Company that are not provided for in this Charter, or where newly enacted provisions of law differ from the provisions of this Charter, such provisions of law shall automatically apply to and govern the operations of the Company.

CHAPTER XXI. EFFECTIVE DATE

Article 58. Effective date

1. This Charter has 21 chapters 58 Articles and was approved by the General Meeting of Shareholders of Sao Vang Rubber Joint Stock Company on April 21, 2025, which also approved the full effectiveness of this Charter.
2. This Charter is made in four (04) originals to be kept at the Company's head office, each of equal validity.
3. This Charter is the sole and official Charter of the Company.
4. Copies or extracts of this Charter shall be valid only if bearing the signature of the Chairman of the Board of Directors or at least one-half (1/2) of the total number of members of the Board of Directors.

NAMES AND SIGNATURES OF THE MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS

No.	Full Name	Position	Signature
1	Pham Hoanh Son	Chairman of the Board of Directors	
2	Nguyen Viet Hung	Member of the Board of Directors General Director	
3	Vi Xuan Hai	Member of the Board of Directors	
4	Nguyen Dinh Son	Member of the Board of Directors	
5	Luong Xuan Hoang	Member of the Board of Directors	

APPENDIX 01

DETAILED BUSINESS LINES OF THE COMPANY

No.	Business lines	Business line code
1	Wholesale of electronic and telecommunications equipment and components Details: Trading of electronic products;	4652
2	Wholesale of other household products Details: Trading of electrical, refrigeration and household appliances, personal and family goods	4649
3	Maintenance and repair of automobiles and other motor vehicles Details: Trading, repair and maintenance of automobiles, motorcycles and spare parts;	4520
4	Real estate business, land use rights owned, used or leased Details: Leasing of shops, offices, factories, warehouses and yards;	6810
5	Retail sale of other new goods in specialized stores Details: Trading of fashion eyewear and optical equipment;	4773
6	Wholesale of machinery, equipment and other machine parts Details: Trading of machinery and equipment serving the rubber industry;	4659
7	Installation of industrial machinery and equipment Details: Manufacturing and installation of machinery and equipment serving the rubber industry;	3320
8	Other business support service activities n.e.c Details: Import and export trading of materials, machinery, equipment and chemicals serving the rubber manufacturing industry;	8299
9	Manufacture of other rubber products Details: Trading of rubber products;	2219 (Main)
10	Agents, brokers and auction agents Details: Purchasing agents, sales agents and consignment of goods	4610
11	Wholesale of construction materials and other installation supplies	4663
12	Wholesale of metals and metal ores Details: Wholesale of iron and steel	4662
13	Electric power generation Details: Solar power	3511

06/ TY AN U NG IA

14	Wholesale of solid, liquid and gaseous fuels and related products Details: Wholesale of coal and other solid fuels	4661
----	---	------

